



Chuyen-de-truyen-kieu compress

sư phạm ngữ văn (Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên)



Scan to open on Studeersnel

Chuyên đề **TRUYỆN KIỀU**

1. Tác giả Nguyễn Du (1765-1820)

1.1. Gia đình

- Quê ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, một vùng đất nổi tiếng cần cù, hiếu học, quê hương của nhiều nhân tài.
- Sinh trong gia đình đại quý tộc, có truyền thống văn hoá, văn học, nhiều đời làm quan (cha là tiến sĩ, anh trai là Ng Khả nổi tiếng hào hoa, mẹ là Trần Thị Tần quê ở Bắc Ninh)

→ *Cái nôi hình thành tài năng nghệ thuật của Ng Du.*

1.2. Thời đại

Cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh, Nguyễn, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh, rồi phong trào Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn được thiết lập.

→ *Hướng ngòi bút ND vào hiện thực: những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

1.3. Cuộc đời

- Thơ ấu: mồ côi mẹ (9 tuổi), mồ côi cha (12 tuổi).
- Những năm lưu lạc ở đất Bắc, trở về Hà Tĩnh: giai đoạn này ND sống gần gũi với nhân dân, chứng kiến nhiều cảnh đời bất hạnh. Đây là những vốn sống phong phú cho những sáng tác sau này.
- Ông từng làm quan nhà Nguyễn, đi sứ TQ, hiểu biết nền văn hoá TQ, lại là người thông minh, nhân ái.

→ *Vốn hiểu biết sâu rộng, phong phú về cuộc sống*

⇒ ***Chính 3 yếu tố này cùng với tài năng thiên bẩm và tấm lòng nhân ái bao la đã tạo nên nhân tài Ng Du.***

1.4. Sự nghiệp

- Chữ Hán: Thanh Hiên thi tập (nói về cuộc sống nghèo khổ của tác giả), Bắc hành tạp lục (đi sứ TQ)
- Chữ nôm: Truyện Kiều, Văn chiêu hồn (Văn tế thập loại chúng sinh).

→ ***Là nhà thơ lớn, danh nhân văn hoá thế giới.*** Quê hương, xã hội, gia đình, cuộc đời, năng khiếu bẩm sinh, đã tạo cho Nguyễn Du có trái tim yêu thương vĩ đại, một thiên tài văn chương với sự nghiệp văn học có giá trị lớn. Ông là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, là danh nhân văn hoá thế giới, đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. Nguyễn Du và Truyện Kiều sẽ sống mãi với dân tộc và trở thành linh hồn của dân tộc.

2. Tác phẩm "Truyện Kiều"

2.1. Nguồn gốc

- Dựa vào cốt truyện *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân- nhà văn sống vào đời Thanh Trung Quốc.
- Thể loại: truyện thơ nôm (là tác phẩm viết bằng chữ nôm có cốt truyện, viết bằng thơ lục bát).
- Tên gọi khác là *Đoạn trường tân thanh*: tiếng kêu đau đớn đứt ruột mới, dài 3254 câu thơ lục bát.

Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân vốn bắt nguồn từ một câu chuyện có thật do Mao Khôn, một người trong quân đội Hồ Tôn Hiến ghi lại trong sách *Ký Tiểu Trử Từ Hải bản mạt*. Câu chuyện này về sau được nhiều người viết đi viết lại. Chẳng hạn *Lý Thuý Kiều truyện* của Đới Sĩ Lâm, *Vương Thuý Kiều truyện* của Dư Hoài... Nói chung những tác phẩm này tình tiết có thay đổi ít nhiều, nhưng tuyến chính của câu chuyện vẫn là mối quan hệ giữa Thuý Kiều và Từ Hải: Thuý Kiều là một kỹ nữ tài hoa bị Từ Hải, viên chủ tướng của một đám giặc cướp bắt được. Từ Hải hết lòng yêu mến Thuý Kiều. Sau đó Thuý

Kiều đã dụ Từ Hải ra hàng. Kết quả là Từ bị giết, Thuý Kiều bị bắt. Trong bữa tiệc hạ công, Thuý Kiều phải đánh đàn hầu rượu Hồ Tôn Hiến – viên quan đã giết chồng nàng. Sau đó viên quan này ép nàng lấy một tên thổ phỉ. Thuý Kiều đau khổ, nhục nhã đã nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn.

Vào khoảng cuối đời Minh, Thanh Tâm Tài Nhân viết lại truyện này một lần nữa. Lần này câu chuyện có bề thế hơn rất nhiều. Tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân không còn là một truyện ngắn mà đã trở thành một tiểu thuyết dài, bao gồm 20 hồi. *Kim Vân Kiều truyện* có nhiều tình tiết phức tạp hơn, nhiều nhân vật hơn, quan hệ Từ Hải – Thuý Kiều không phải là tuyến chính mà tuyến chính là cuộc đời mười lăm năm chìm nổi của Thuý Kiều. Và tác phẩm không phải kết thúc ở chỗ Kiều tự tử trên sông Tiền đường mà có đoạn Thuý Kiều được vớt lên, được cứu sống và về sau tái hôn cùng Kim Trọng.

Một trong những điều mà Thanh Tâm Tài Nhân thành công là ông đã lấy thân phận gái lầu xanh làm nhân vật chính. Thanh Tâm Tài Nhân là người rất thương cảm với thân phận phụ nữ nói chung và với gái lầu xanh nói riêng. Ông đã tuyên bố ở hồi mười một: “Kiếp người khổ nhất đàn bà, / Đàn bà khổ nhất ấy là gái chơi”. Trước Thanh Tâm Tài Nhân, loại nhân vật này ít được lấy làm nhân vật chính. Kim Vân Kiều truyện trong văn chương TQ không được đánh giá cao, nhưng những sáng tạo của Thanh Tâm Tài Nhân cũng có nhiều giá trị đáng chú ý.

2.2. Nội dung Truyện Kiều và những sáng tạo của Nguyễn Du so với "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân

2.2.1. Tóm lược nội dung

- *Gặp gỡ và đính ước:*

Là con gái một gia đình trung lưu lương thiện, Thuý Kiều sống bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong ngày hội đạp thanh, gần năm mỗ Đạm Tiên - một hình ảnh báo hiệu định mệnh oan nghiệt sau này của nàng- Thuý Kiều gặp Kim Trọng. Mỗi tình đầu chớm nở. Nhân nhât được chiếc thoa rơi của Thuý Kiều, Kim Trọng bày tỏ nỗi lòng với Kiều và hai bên đính ước.

- *Gia biến và lưu lạc:*

Khi Kim Trọng về quê hộ tang chú, gia đình Kiều bị vu oan, cha và em bị bắt. Kiều phải bán mình chuộc cha. Lần lượt bốn buôn người Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà dùng mọi thủ đoạn lừa gạt, dồn Thuý Kiều vào cuộc sống ô nhục. Nàng được Thúc Sinh, một khách làng chơi hào phóng, yêu thương và cứu vớt ra khỏi cuộc sống ở lầu xanh. Vợ cả Thúc Sinh là Hoạn Thư bày mưu bắt Kiều về hành hạ và đày đoạ nàng. Kiều trốn đến nương nhờ Sư Giác Duyên ở nơi cửa Phật. Sợ bị liên lụy, Giác Duyên gửi nàng cho Bạc Bà, không ngờ Bạc Bà lại lừa bán nàng cho một chủ lầu xanh. Ở đây, nàng gặp người anh hùng Từ Hải. Từ Hải chuộc nàng về làm vợ. Khi sự nghiệp thành, Từ Hải giúp Kiều báo ân báo oán. Do mắc lừa Hồ Tôn Hiến, tên đại thần tráo trở, Từ Hải bị giết. Kiều bị nhục phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều rồi lại bị ép gả cho một viên thổ quan. Đau xót và tủi nhục, Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử nhưng lại được Giác Duyên cứu. Lần thứ hai, Kiều nương nhờ nơi cửa Phật.

- *Đoàn tụ:*

Kim Trọng sau khi hộ tang chú, chàng trở lại tìm người yêu. Hay tin thăm khốc, Kim Trọng vô cùng đau đớn. Theo lời dặn của Kiều, cha mẹ Kiều cho Thuý Vân kết duyên với Kim Trọng. Không nguôi tình xưa, Kim Trọng lặn lội tìm kiếm và chàng đã gặp lại Kiều, cả gia đình đoàn tụ. Trong ngày đoàn viên vui vẻ, để bảo vệ " danh tiết" và tỏ lòng kính trọng người yêu, Kiều đòi tình vợ chồng thành tình bạn.

2.2.2. Những sáng tạo của Nguyễn Du

2.2.2.1. Nội dung

Việc thêm, bớt hay thay đổi một số chi tiết đã mang đến cho *Truyện Kiều* một diện mạo mới, một sức hấp dẫn và một tầm cao tư tưởng khác hẳn. Ông đã biến một câu chuyện tình khổ thành khúc ca đau

lòng thương người bạc mệnh, nói lên "những điều trông thấy" trong giai đoạn lịch sử đầy biến động cuối Lê - đầu Nguyễn.

- **Thêm bớt tình tiết:** Nguyễn Du viết Truyện Kiều dựa khá sát vào cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, có nghĩa là ông đã giữ lại những tình tiết, những diễn biến quan trọng, chứ không phải mọi tình tiết đều được giữ lại. Trong một bài biên khảo đăng trong tuyển tập “Nguyễn Du, tác giả và tác phẩm” do Nhà xuất bản Giáo Dục ấn hành năm 1999, các tác giả Nguyễn Thạch Giang, Triệu Ngọc Lan, và Lô Úy Thu đã bỏ công tìm tòi những phần trong Kim Vân Kiều truyện đã bị Nguyễn Du lược bỏ. Các tác giả này nhận thấy Nguyễn Du đã loại bỏ 142 trang trên tổng số 214 trang, tức khoảng 2/3 tác phẩm. Ông chỉ giữ lại 72 trang và dùng các chi tiết trong số trang này để viết thành 1313 câu thơ trong tổng số 3254 câu của Đoạn Trường Tân Thanh.

Những phần mà Nguyễn Du lược bỏ là:

- Tất cả những bài thơ xướng họa, những bài ghi lời thề thốt. Chính điều này đã làm cho chúng ta bớt khó chịu bởi cái lối sến súa của nhân vật. Nguyễn Du đã khéo léo dẫn dắt độc giả vào một lối đi khác Thanh Tâm Tài Nhân, đó chính là đi vào đường tài và đường tình của các nhân vật, mà trung tâm là Thúy Kiều; làm cho độc giả phải bất bình sâu sắc với những cái đã phũ phàng chà đạp lên cái “tài” và cái “tình” của con người.

Chẳng hạn, ở đoạn ba chị em Thúy Kiều đi hội đạp thanh, lúc đi ngang mộ Đạm Tiên, nếu Kiều trong *Truyện Kiều* chỉ:

*Lâm râm khăn vái nhỏ to
Sup ngời đặt cỏ trước mộ bước ra.*

Thì Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* lại vừa khăn vái, vừa lay, lại vừa đề thơ:

*Sắc hương đâu đó tá?
Thăm viếng nào lòng thay!
Chấn gấm, trăng soi lạnh,
Đài gương, bụi phủ nhòa.
Đất tuy vui ngọc ấy,
Tuyết chưa lấp danh này.
Rượu nhiều như sông đó,
Nào ai tưới chôn đây?*

Hay như sau khi gặp Kim Trọng về, ở *Kim Vân Kiều truyện*, đang đêm nhớ nhung, suy nghĩ miên man về Kim, Thúy Kiều lại làm thơ:

*Trời quang mây lặng không vương bụi,
Khắc gì bình ngọc chứa lòng băng.
Nếu bạn đã tình sẵn sóc hỏi,
Tắm thân đau đớn biết cho chăng?*

Thì hành động này ta không bắt gặp lại trong *Truyện Kiều*.

- Những lời đối đáp rườm rà, không giúp ích gì cho việc phát triển tính cách nhân vật. Như trong hồi 1 và hồi 2, những lời đối thoại qua lại của ba chị em Thúy Kiều lúc thấy mộ Đạm Tiên và khi gặp Kim Trọng đều được Nguyễn Du rút gọn hết. Cả ở những hồi sau cũng thế. Cũng nhờ đó, bố cục của cốt truyện trong *Đoạn Trường Tân Thanh* rất chặt chẽ, phát triển rất tự nhiên và cân đối, không hề luộm thuộm, rườm rà. Có thể thấy rằng Nguyễn Du chỉ giữ lại những chi tiết nào gọi là đặc trưng, điển hình, ảnh hưởng hoặc làm rõ tâm lý, tính cách nhân vật.

- Những gì gây hại đến tính cách, nhân phẩm của các nhân vật như Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải.

Chẳng hạn, cuộc xử án đông dài và man rợ trong *Kim Vân Kiều Truyện* được cụ Nguyễn Du tóm tắt qua 42 câu thơ. So sánh hai đoạn trích Kiều báo oán trong *Kim Vân Kiều Truyện* và *Đoạn Trường Tân Thanh*, ta nhận thấy những điểm nổi bật sau:

+ Trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, Thúy Kiều tha tội hoàn toàn cho Hoạn Thư.

Trong *Kim Vân Kiều Truyện*, Kiều tha tội chết nhưng ra lệnh đánh Hoạn Thư một cách dã man.

+ Trong *Đoạn Trường Tân Thanh*, Thúy Kiều không sai quân sĩ bắt mẹ Hoạn Thư đem về trị tội như trong *Kim Vân Kiều Truyện*.

+ Nguyễn Du chỉ tả cảnh xử tội Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hạnh, Bạc Bà, và Ứng, Khuyển một cách vắn tắt chứ không chi tiết và tàn nhẫn như trong *Kim Vân Kiều Truyện*. Qua ngòi bút của cụ Nguyễn Du, chúng ta cảm thấy đồng tình với Kiều khi nàng tha bổng Hoạn Thư nên không phê phán nàng nặng nề khi nàng trả thù những nhân vật khác. Trái lại, khi đọc *Kim Vân Kiều Truyện*, có lẽ người đọc phải chau mày và có ý niệm chán ghét Kiều trước cách trừng trị dã man, tàn bạo, thiếu nhân tính nàng áp dụng đối với kẻ thù.

- Một số nhân vật như Vệ Hoa Dương, Bộ Tân - kiểu thầy trọ của tên thầy kiện ở nông thôn, quân sư cho Thúc Sinh đối phó với Tú Bà, các thuộc tướng của Từ Hải (Lôi Phong, Sứ Chiếu)... cũng được bỏ đi, cốt truyện nhờ thế mà chặt chẽ, nhẹ nhàng, không rườm rà bởi những chi tiết lồi thối làm rối trí người đọc hoặc đôi khi nhiều quá làm người đọc không thể nào nhớ hết những nhân vật không tạo ra một dấu ấn riêng nào.

Như vậy có thể thấy, Nguyễn Du đã bỏ đi những chi tiết dài dòng, những đoạn miêu tả có tính chất tự nhiên chủ nghĩa, nhiều khi thô bỉ, có hại với mỹ cảm người đọc và không nhằm phục vụ chủ đề tác phẩm. Đồng thời nhà thơ thêm vào rất nhiều đoạn tả cảnh, tả tình nhằm nêu rõ tính cách và tâm trạng của nhân vật. Đường như hầu hết các cảnh thiên nhiên mỹ lệ trong truyện Kiều như:

- *Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*
- *Dưới trăng quỳnh đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông*
- *Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng.*

Hoặc là những câu thơ khắc hoạ cảnh đêm tàn khi Kiều trốn nhà ra đi :

*Cát mình qua ngọn tường hoa
Lần đường theo bóng trăng tà về tây
Mịt mù dặm cát đồi cây
Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương
Canh khuya thân giá dặm trường
Phân e đường xá phân thương dải dẫu.*

Hoặc là những câu thơ đầy đau đớn cho kiếp hồng nhan:

- *Sống làm vợ khắp người ta
Đến khi thác xuống làm ma không chồng.*
- *Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*
- *Rằng hồng nhan tự thuở xưa
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.*

Hay là những câu thơ ẩn chứa nỗi niềm của tác giả trước thực tại cuộc sống lúc bấy giờ:

*Đã dầy vào kiếp phong trần
Sao cho sĩ nhục một lần mới thôi.*

tất cả đều không có trong *Kim Vân Kiều Truyện*. Từ những tình tiết này, Nguyễn Du đã khắc hoạ được thân phận bất hạnh của con người trong xã hội bất công, đã làm nổi bật được nội tâm nhân vật cũng như gửi gắm những dòng tâm tư của mình. Điều này tác phẩm của Thanh Tâm tài Nhân không thể nào có được. Đặc biệt nữa, ở *Truyện Kiều* của Nguyễn Du nếu để ý thì ta thấy rằng hầu như từ hồi này qua hồi khác nhà thơ đều dùng những câu thơ để chuyển ý làm cho văn bản hết sức chặt chẽ, người đọc dễ theo dõi và sắp xếp được môi trường cho các nhân vật xuất hiện hành động.

- **Biến đổi một số tình tiết:** Nguyễn Du trong rất nhiều tình tiết đã không giữ nguyên vẹn. Tác giả đã có những sáng tạo, biến hoá thật tài tình để phù hợp với mục đích mà mình hướng đến. Nhờ đó, ông giữ được cho nhân vật những phẩm chất đáng quý, bộc lộ được cảm xúc của bản thân, khơi gợi được cảm xúc nơi người đọc. Giá trị nhân đạo vì vậy mà càng được nâng cao.

Chẳng hạn như cảnh Vương Ông bị đánh, Thanh Tâm Tài Nhân đã miêu tả “bốn chân tay bị treo quật lên, mặt và bụng ở phía dưới, trên lưng đè một hòn đá, ba trăm sáu mươi đốt xương, đốt đốt rời lìa, tám vạn bốn nghìn lỗ chân lông, thấy đều đỏ mồn mồn, mặt mày tái mét”. Ở chi tiết này, Nguyễn Du đã viết như sau:

*Người nách thướt kẻ tay đao
Đầu trâu, mặt ngựa ào ào như sóng
Già giang một lão một trai
Một dây vô loại buộc hai thâm tình
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh
Rừng rời lộc liễu, tan tành gốc mai
Đồ tể nhuyển của riêng tây
Sạch sàng sanh vết cho đầy túi tham
Rường cao rút ngược dây oan
Dầu là đá cũng nát gan, lọ người
Mặt trông đau đón rụng rời
Oan này còn một kêu trời nhưng xa ...*

Đoạn thơ vừa thể hiện tình cảnh bất hạnh của gia đình Kiều, vừa thể hiện được nỗi đau của tác giả. Điều này ta không thấy được trong đoạn văn trên.

Còn cảnh Kim Kiều thề hẹn, Thanh Tâm tài Nhân đã kể như sau: lần đầu gặp Kim Trọng ở bên tường nhà hàng xóm, thấy chàng “nghe tiếng cười lên nhìn thì thoáng một cái đã nép ngay vào một bên, không cho chàng nhìn rõ mặt”. Và khi Kim Trọng xoi được lỗ rào, lách qua được bên vườn nàng, ôm choàng lấy nàng thì nàng cự lại “Sao chàng lại dờ cái thói điên cuồng như vậy?”, thế mà sau đó vài giờ đã “khóc nức nở nằm ngã vào giữa lòng chàng”. Thuý Kiều của Nguyễn Du không có thay đổi sở sàng như vậy. Đa cảm, nồng nàn, nhưng vẫn đoan chính. Hai nét tính cách này đã tạo nên một nhân cách đáng yêu. Và đó cũng là vẻ đẹp đáng trọng của phụ nữ.

Và đây là sự biến đổi của Nguyễn Du khi miêu tả bóng ma Đạm Tiên. Nếu như Thanh Tâm Tài Nhân đã miêu tả bóng ma Đạm Tiên chẳng khác nào một cô gái đẹp “Trang sức thanh nhã, mặt trái xoan, má ửng hồng, thướt tha là lướt giống tựa nàng tiên” thì Nguyễn Du đã viết:

*Thoát đầu thấy một tiểu Kiều
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân
Sương in mặt tuyết pha thân
Sen vàng lãng đãng như gần như xa*

Với chi tiết này, chúng ta thấy rõ ràng là bóng ma chứ không phải là người thực. Bóng ma ấy thoát ẩn thoát hiện, có vẻ mờ mờ. Câu thơ lửng lơ, nghi nghi hoặc hoặc, không khẳng định một cái gì cụ thể.

Và đây là một chi tiết sáng tạo khác nữa của Nguyễn Du. Trong Kim Vân Kiều truyện, Thanh Tâm Tài Nhân đã kể cảnh Thuý Kiều báo oán như sau: Kiều “túm tóc Hoạn Thư, lôi ra lột hết áo quần, chỉ để cho một cái khố, tóc bị buộc lên xà nhà, hai tên cung nữ mỗi tên túm lấy một tay để lôi giăng ra, hai tên thì cầm roi ngựa đứng trước và sau, một tên từ trên đánh xuống, một tên từ dưới đánh lên, đánh như con ngựa bỏ trong thùng vôi, con lươn trong vạc nước nóng, luôn luôn giãy giụa kêu trời, toàn thân chẳng còn một miếng da nào lành lặn”. Nàng Kiều của Nguyễn Du thì không dã man như vậy. Kiều hạch tội Hoạn Thư, sau khi nghe ả Hoạn trả lời khôn khéo, phải chăng, nàng đã “truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”. Nàng Kiều của Nguyễn Du cũng biết uất hận như mọi con người đau khổ bị chà đạp, nhưng nàng cũng biết khoan dung, xét thấu những điều ân khúc nơi kẻ tội đồ. Lòng khoan dung của Kiều chính là nét đẹp khiến Kiều được yên mến, trân trọng.

Ngoài ra, Nguyễn Du còn có những những sự thay đổi khác: có chi tiết ông đã để nàng Kiều phải hứng chịu những trận đòn ác liệt ở trước cửa tri phủ Lâm tri, khi quan bảo nàng phải chọn lấy một trong hai điều: tra tấn hay là trở lại lầu xanh. Kiều đã chịu sự tra tấn để xác nhận

thêm ý muốn sống cuộc đời trong sạch, và cái trận đòn “Ba cây chum lại một nhánh mầu đơn” đã khiến “đào hoeen quyen má, liễu tan tác mây” không hề xảy đến với Thuý Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân. Như vậy, Nguyễn Du đã làm cho bọn quan lại càng xấu xa hơn và nàng Thuý Kiều càng tốt đẹp hơn.

Thuý Kiều của Nguyễn Du càng đẹp đẽ hơn khi nàng đã dám hiên ngang bênh vực Từ Hải trước mặt Hồ Tôn Hiến. Trong khi Kiều của Thanh Tâm Tài Tử cam chịu phận mình thì Kiều của Nguyễn Du mạnh dạn đề cao khí thế anh hùng, đề cao sự nghiệp của Từ. Từ Hải trong tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân phải mất ba năm mới gây dựng sự nghiệp còn họ Từ của Nguyễn Du thì chỉ cần mất một năm là đã thu về được mười vạn tinh binh. Từ Hải Trung Hoa được coi như một tên tù trưởng, nhưng với Nguyễn Du, Từ Hải là một đấng anh hùng “Đội trời đạp đất ở đời. Đọc ngang nào biết trên đầu có ai”. Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du đã thể hiện rất rõ ở tình tiết này.

Một tác phẩm văn học có giá trị không phải bày ra trước chúng ta một câu chuyện thật ly kỳ để chúng ta thường thức cho thỏa thích, cũng không phải treo một tấm gương đạo đức cho người ta nhìn ngắm với lòng ngưỡng mộ và noi gương học hỏi, lại cũng không nhất thiết phải là bài học đấu tranh sát sườn giữa thiện và ác, giữa thống trị và bị trị, giữa bóc lột và nô lệ... để rút kinh nghiệm cho “trận cuối cùng” của nhân loại trên con đường hành hương về miền đất hứa. Một tác phẩm văn học có giá trị phải nói với con người cái đang diễn ra ở phía trước mình, nó khiến con người không sao bình yên được. Nó nói về sự mong manh của thân phận con người trước rất nhiều ngã của dòng đời tuôn chảy, đặt cho con người những mối hoài nghi, những băn khoăn thấp thỏm về chính cõi người. Nó gợi lên những câu hỏi, những giấc mơ và sự thật, hiện hữu và cái phi lý của hiện hữu. Nó giúp con người tự phân thân, tách mình ra để nhìn lại cái bề ngoài của mình tưởng không liên quan đến mình. Nó cũng giúp con người tự khám phá vào thế giới bên trong sâu thẳm và nhiều khi đối với mình là cả một kho bí ẩn. Vì thế, nó không đẩy con người quay về quá khứ mà hướng con người đi tới. Mượn lại một câu chuyện xảy ra vào triều Minh xa lắc, Nguyễn Du đã làm cho bao nhiêu thế hệ người Việt từ hơn hai thế kỷ nay mê man say đắm, vì ông đã làm cho nàng Kiều hóa thân vào từng thế hệ, trở thành nỗi ưu tư, sầu khổ, thành “cái tôi” dằn vặt, những dấu hỏi về số phận, thành khát vọng sống của mọi giới người. Chính khả năng hướng tới hiện đại của nhà thơ đã quy định số phận khác nhau giữa *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều*. Toàn bộ câu chuyện kể của Thanh Tâm Tài Nhân, không phải không hay, rất hấp dẫn là khác, nhưng đó là một câu chuyện của quá khứ, từ rất lâu rồi không còn đề ngợm băn khoăn gì cho con người hiện tại. Số phận của nó đã thực sự kết thúc. Còn tác phẩm của Nguyễn Du, mỗi lần đọc lại vẫn cứ đưa lại một vài khám phá mới mẻ lần đọc trước chưa thấy.

2.2.2.2. Nghệ thuật

- Thể loại

Kim Vân Kiều truyện là văn xuôi kể chuyện theo lối cổ, *Truyện Kiều* là truyện thơ, hay nói rõ hơn đó chính là sự khác biệt về loại hình ngôn ngữ, một bên là văn xuôi, một bên là thơ. Nói đến văn xuôi kể chuyện là nói đến nội dung của câu chuyện được kể lại. Còn nói đến thơ thì ngoài ngữ nghĩa còn phải nói đến tiết tấu, vần và nhịp điệu, nói đến khả năng ảnh hưởng của tất cả những thứ ấy trong việc biểu đạt nội dung văn bản và cảm xúc của nhà thơ.

Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân là tác phẩm tiểu thuyết chương hồi thuộc thể tài văn xuôi, kết cấu theo thời gian, theo trình tự diễn biến của các sự kiện, theo quá trình hành động của các nhân vật, thiên về mô tả sự kiện, đi sâu miêu tả thực tại, khắc họa chân dung nhân vật một cách cụ thể. Cũng như các tiểu thuyết chương hồi khác, tác phẩm gần như không đề cập đến diễn biến tâm lý nhân vật mà chỉ có các biến cố, hành động của nhân vật. Tác phẩm lại đặc biệt coi trọng mâu thuẫn xung đột, tập trung mô tả nhiều chi tiết để tô đậm một tính cách nào đấy của nhân vật. Diện mạo nhân vật gần như chỉ là những nét chấm phá chứ không miêu tả cụ thể. Trong tác phẩm, tác giả cũng đã đưa vào những đoạn thơ, bài phú miêu tả thiên nhiên, nhưng thiên nhiên ấy lại bị tách rời khỏi cốt truyện và đôi khi lại không gắn bó gì với tâm trạng của nhân vật.

Trong khi đó, *Truyện Kiều* lại là một cuốn truyện thơ. Truyện thơ trong văn học Việt Nam là thể loại thuộc loại tự sự, độ dài trung bình và được viết bằng lời thơ, đại đa số là thơ lục bát. Thơ lục bát là thể thơ có nguồn gốc từ ca dao, là thể thơ thuần túy dân tộc vừa có khả năng thể hiện những cảm hứng trữ tình vừa có khả năng tự sự với hệ thống vần nhịp phong phú, giai điệu ngân nga dễ đi vào tâm thức người Việt Nam vốn từng quen với những câu hát ru từ thuở nằm nôi, những câu hát giao duyên bên gốc đa đình làng trong những ngày lễ hội. Tuy nhiên, chọn hình thức thể thơ lục bát để chuyển tải các vấn đề của một cuốn tiểu thuyết văn xuôi quả thực là một thách thức nghệ thuật lớn. Cách thức ấy đặt ra cho Nguyễn Du hàng loạt vấn đề phải giải quyết: tổ chức ngôn từ nghệ thuật, kết cấu, miêu tả, tự sự, xây dựng nhân vật... làm sao qua đó nổi bật lên tài năng nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của mình vừa để chuyển tải sâu sắc nhất cái “đau đớn lòng” của mình trước “những điều trông thấy”. Nói tóm lại là Nguyễn Du vừa có quá nhiều khó khăn cần xử lý, lại vừa có một mảnh đất rộng rãi để thi thố tài năng. Và Nguyễn Du đã thành công. Cái hay của hình thức thơ là ở chỗ nó dễ dàng bộc lộ tình cảm của nhà thơ, nhà thơ đã gửi gắm vào đó cả thể nghiệm cuộc đời của mình, nên những đoạn trữ tình trong tác phẩm chân thực tha thiết, làm cảm động lòng người. Chẳng hạn, theo dòng hồi tưởng của nhân vật, cũng bấy nhiêu nỗi niềm nhớ cha nhớ mẹ nhớ người tình cũ mà mỗi lần là một Thúy Kiều ngổn ngang trăm mối tơ lòng hiện lên trước mắt ta không chút lặp lại; trong âm thanh của tiếng đàn, cũng chừng ấy tiếng tơ tiếng trúc mà mỗi lần Kiều gảy lại một lần hiện diện một thế giới kỳ lạ chứa bên trong tâm hồn nàng, ám ảnh mãi người xem; trong lời bình xen vào trần thuật, mỗi lần là một chân lý sống hiển nhiên dội vào tâm trí khiến người ta sững sốt, có giá trị kéo nhân vật về với hiện tại trước mắt... Hơn nữa, nhờ hình thức và đặc trưng thơ ca mà ngôn từ trần thuật trong *Truyện Kiều* lung linh màu sắc, trở nên có nhiều tầng nghĩa, bớt đi được cái thô nhám của văn xuôi, nhất là trong những đoạn nhạy cảm. Trong *Kim Vân Kiều truyện*, có thể dễ dàng nhận thấy thể mạnh của Thanh Tâm Tài Nhân trong việc tạo dựng cốt truyện hấp dẫn với hệ thống chi tiết phong phú, có khả năng phản ánh hiện thực rộng lớn. Còn Nguyễn Du, ông đã tìm đến một thể mạnh khác – sức mạnh của ngôn ngữ thơ, sự giàu có của tiếng mẹ đẻ. Ông lược bỏ cái thô nhám của ngôn ngữ văn xuôi, dùng khả năng biểu đạt, tính biểu cảm cao độ của từ ngữ thay cho nhiều chi tiết. Chẳng hạn, Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân lúc bắt đầu trao duyên đã vừa khóc vừa nói (có Thuý Vân trước mặt): “*Chàng Kim! Chàng Kim! Trước đây thiếp cố giữ vẹn tấm thân, không chiều ý chàng là sợ trong đêm hợp cẩn, không lấy gì làm tin. Nếu sớm biết có biến ngày nay như thế này thì lúc ấy còn giữ làm chi*”. Thật khó hình dung một thiếu nữ được nuôi dạy trong nền nếp nho gia lại dễ dàng nói thẳng một vấn đề như thế trước mặt người khác, dù đó là em ruột. Mặt khác, có thật hợp lý không khi để cho những suy nghĩ ấy xuất hiện ngay khi Kiều chưa bán mình xong, chưa phải gánh chịu cái cảnh “*Một cơn mưa gió nặng nề/ Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương*”? Nguyễn Du đã đưa câu nói kia khỏi cảnh trao duyên và chuyển thành ý nghĩ của Thuý Kiều trong tâm trạng nhục nhã, ê chề, phẫn uất sau khi thất thân với Mã Giám Sinh và diễn đạt bằng những từ ngữ hàm súc, tế nhị: “*Biết thân đến bước lạc loài/ Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung*”.

- Ngôn ngữ

Ngôn ngữ *Truyện Kiều* phong phú, trong sáng, tinh luyện và giàu sức gợi cảm. Có được điều đó, trước hết là nhờ Ng Du biết vận dụng lời ăn tiếng nói của dân tộc trong sáng tác. Trong *Truyện Kiều*, nhà thơ sử dụng nhiều tục ngữ, thành ngữ của dân tộc, cả thành ngữ thuần Việt lẫn thành ngữ Hán Việt. Tục ngữ, thành ngữ và lời ăn tiếng nói hàng ngày đi vào thơ Nguyễn Du, chan hoà, tan biến trong phong cách của nhà thơ. Vì vậy, trong *Truyện Kiều* có nhiều trường hợp khó phân biệt đâu là tục ngữ, thành ngữ Nguyễn Du học tập quần chúng, đâu là thành ngữ, tục ngữ do nhà thơ sáng tạo ra.

Chẳng hạn Nguyễn Du đã biết vận dụng vốn thơ ca dân gian của mình thật nhuần nhuyễn, tài tình. Trong câu thơ *Truyện Kiều*:

Sầu đông càng lắc càng đây,

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê!

ta thấy có bóng dáng của câu ca dao:

*Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai chắt chứa sầu đông vui đầy.*

Còn câu thơ nổi tiếng của Truyện Kiều:

*Vàng trắng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

có thể được coi như phiên bản của mấy câu ca dao sau đây:

*Tiền đưa một chén rượu nồng,
Vàng trắng xẻ nửa tơ lòng đứt đôi...
Vàng trắng ai xẻ làm đôi,
Đường trần ai vẽ ngược xuôi hồi chàng?*

Hay trong câu thơ Truyện Kiều:

*Duyên em dầu nói chi hồng,
May ra khi đã tay bông tay mang.*

ta cũng thấy phảng phất hình bóng câu ca dao:

*Ngày đi em chưa có chồng,
Ngày về con dắt con dắt con bông con mang.*

Nhìn chung, trong việc học tập thơ ca dân gian và ngôn ngữ quần chúng, ta thấy Nguyễn Du thường lấy chất liệu từ ca dao hoặc chịu ảnh hưởng của ca dao khi miêu tả thiên nhiên và tâm trạng nhân vật còn khi cá thể hoá nhân vật, chủ yếu là nhân vật có tính cách hiện thực chủ nghĩa, nhà thơ thường sử dụng ngôn ngữ hàng ngày có nhiều khẩu ngữ, tục ngữ, thành ngữ.

Nguyễn Du xuất thân từ tầng lớp quý tộc, nhưng nhà thơ lại sử dụng rất nhiều ca dao, dân ca và ngôn ngữ quần chúng, một phần do ông sinh ra và lớn lên trong môi trường văn hoá: quê mẹ Bắc Ninh với những khúc quan họ ngọt ngào, quê cha Hà Tĩnh với những câu hò, câu ví mộc mạc, mặn mòi và trường thành ở đất kinh kỳ thanh lịch. Vừa lọt lòng ông được tiếp xúc với những lời hát ru thiết tha của mẹ. Lớn lên, lăn lộn trong cuộc sống, ông lại có dịp gần gũi quần chúng, tham gia sinh hoạt văn hoá, văn nghệ với họ. Mặt khác, nhà thơ có quan niệm tiến bộ đối với văn học dân gian: “Thôn ca sơ học tang ma ngữ”, nghĩa là: câu hát nơi thôn dã giúp ta biết những tiếng nói trong nghề trồng dâu, trồng gai. Đó cũng là cách mà một nhà thơ, nhà văn trưởng thành từ cái nôi văn hóa dân tộc.

Không chỉ vận dụng lời ăn tiếng nói dân tộc, Nguyễn Du còn biến hóa nó bằng việc sử dụng vô cùng sáng tạo, mang đến cho ngôn ngữ dân tộc vẻ đẹp riêng, mới mẻ và độc đáo. Từ Nguyễn Du, ngôn ngữ dân tộc đạt được một tầm cao mới, trong sáng hơn, đẹp đẽ hơn, giàu hình tượng hơn. Xưa nay, nghiên cứu ngôn từ nghệ thuật trong *Truyện Kiều*, người ta thường hay chú ý trước hết đến những chỗ dùng từ chính xác, từ hay, tinh tế thường được gọi là lời dùng từ đắt của Nguyễn Du, cũng như cách dùng hư từ, khối lượng từ đồng nghĩa, từ có phong cách khẩu ngữ... Nhiều khi chỉ một chữ thôi đã có thể lột tả được bản chất bên trong của con người.

Đó là trường hợp câu thơ *Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao* mà nhà thơ dùng để khắc hoạ nhân vật Mã Giám Sinh lúc đến hỏi Kiều về làm vợ. Một kẻ đã ngoài tứ tuần mà *Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao* thì thật nực cười và kỳ cục đến không thể chấp nhận được. Bởi **nhẵn nhụi** là từ ngữ người ta thường dùng để chỉ độ trơn, bóng, láng của đồ vật, chứ không phải dùng để chỉ tính chất trang nhã, lịch sự của con người. Còn từ **bảnh bao** thường dùng để khen trẻ em có quần áo đẹp lại dùng cho Mã Giám Sinh thì lại có ý chế giễu, mỉa mai. Một kẻ đã nhiều tuổi nhưng lại cố ý tô vẽ, tía tót thì lại trở nên kệch cỡm, giả tạo và có phần trai lơ, đáng điểm.

Đặc sắc nhất vẫn là cách dùng từ trong câu *Ghế trên ngai tốt số sàng* - một cử chỉ vội vàng, khiêm nhã khiến Nguyễn Du phải hạ ngay một từ *số sàng*. Cử chỉ ấy không phù hợp với một người đi hỏi vợ và lại càng không đúng với phẩm cách văn hoá của một giám sinh. Nó quá bất ngờ so với sự chờ đợi của người đọc, quá phi lý so với vai trò của một sinh viên trường Quốc Tử Giám. Cử chỉ này là tín hiệu đầu tiên để bước đầu khẳng định bản chất của Mã Giám Sinh. Tự định vị một cách vô lễ, trịch thượng, chường mắt trên chiếc ghế của người bề trên (những bậc cao niên) càng cho thấy tính chất vô học và nhất là tâm lý hợm của của kẻ buôn người giàu có. Chỉ một chữ *tốt* đã phủ nhận vai trò giám sinh của gã họ Mã.

Là nhà thơ thiên tài của dân tộc, Nguyễn Du là người chịu ảnh hưởng rất lớn thi pháp cổ điển về khắc họa, xây dựng hình tượng nhân vật. Vì thế ngôn từ ước lệ được sử dụng nhiều trong Truyện Kiều. Nói về người phụ nữ vẫn là hoa, liễu, xuân lan, thu cúc; nói về tình yêu trai gái vẫn là thuyền duyên - anh hùng, hoa - bướm; nói về số phận bọt bèo vẫn là hoa trôi - bèo tan... Nhưng là một nghệ sĩ về ngôn từ, Nguyễn Du không sử dụng những thi liệu cổ ấy một cách máy móc rập khuôn mà có sự sáng tạo riêng mang phong cách cá nhân. Nói tới nỗi buồn của người đẹp, nhà thơ gắn với những *thèm hoa, lệ hoa, rồi nét buồn như cúc, điệu gầy như mai*... Nói tới nước mắt thì nói *giọt ngọc, giọt châu, giọt sương, giọt hồng, giọt tủi, giọt riêng*... Nói đến giấc ngủ thì ông nói *giấc xuân, giấc mai, giấc hoè, giấc tiên, giấc nồng*... Nói tới chén rượu ông lại nói tới *chén xuân, chén quỳnh, chén đưa, chén mời, chén khuyên chén đồng*... mang đầy sắc thái khác nhau của tình huống. Nói chung, qua việc sử dụng những thi liệu cổ nhà thơ đã tạo ra những từ ngữ rất riêng, rất Nguyễn Du, nhưng vẫn là ngôn ngữ dân tộc.

Tài năng ngôn ngữ của Ng Du còn thể hiện ở việc biến nhịp điệu đều đều của những câu thơ lục bát thành những câu thơ điệp âm, điệp chữ, điệp vần theo nhiều kiểu 2 từ, 3 từ, 4 từ, nối tiếp, liên hoàn hay móc xích; thay đổi cách ngắt nhịp, gieo vần; phối hợp với những hình ảnh liên kết hoặc đối lập, đối ứng, có giá trị tu từ rất đắt, tạo nên âm hưởng trùng điệp, dồn dập, nhấn nhá, buông lửng, kéo dài... hần rõ hơn, mở rộng hơn, hoặc gây ấn tượng đột ngột về những điều mình muốn gửi gắm trong tâm tư người đọc:

- “*Nỗi riêng / lớp lớp sóng dồi,
Nghĩ đòi cơn / lại sứt sùi đòi cơn*”
- “*Trong / như tiếng hạc bay qua,
Đục / như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan / như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập / như trời đổ mưa.
Ngọn đèn / khi tỏ / khi mờ,
Khiến người ngồi đó / cũng ngỡ ngẩn sầu.
Khi tựa gối / khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc / khi chau đôi mày*”
- “*Còn non / còn nước / còn dài
Còn về / còn nhớ / đến người hôm nay*”
- “*Thoắt trông / nhìn nhợt màu da,
Ấn chi / cao lớn / đầy đà làm sao*”
- “*Chơi / cho liễu chán / hoa chê,
Cho lẫn lộn đá / cho mê mẩn đời*”
- “*Khi tỉnh rượu / lúc tàn canh,
Giật mình / mình lại thương mình / xót xa.
Khi / sao phong gấm rủ là,
Giờ / sao tan tác / như hoa giữa đường.
Mặt / sao dày gió dạn sương,
Thân / sao bướm chán / ong chường / bấy thân.
Mặt / người mưa Sở / mây Tần,
Riêng mình / nào biết có xuân / là gì*”

- “**Đã cho lấy chữ hồng nhan,**
Làm cho /cho hại / cho tàn / cho cân”
- “**Bắt khoan / bắt nhật / đến lời,**
Bắt quỳ tận mặt / bắt mời tận tay”

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên

Thiên nhiên trong *Kim Vân Kiều truyện* hầu như không có, chỉ thỉnh thoảng ta mới bắt gặp, mà thiên nhiên ấy lại không ăn nhập gì với tâm trạng, tính cách của nhân vật. Mọi cảnh vật đều hiện lên rất mờ nhạt, lại mang phần rời rạc, loáng thoáng qua một số bài thơ của Kiều hay qua lời kể sơ lược của Thanh Tâm Tài Nhân. Còn trong *Truyện Kiều*, thiên nhiên đi về khắp lượt. Ng Du rất chú trọng miêu tả thiên nhiên, xem thiên nhiên như một đối tượng để thể hiện nội tâm nhân vật. Ngôi bút miêu tả thiên nhiên của Ng Du đạt đến trình độ bậc thầy. Thiên nhiên trở thành đối tượng miêu tả, mỗi một bức tranh thiên nhiên đều hiện lên với những đường nét, màu sắc, dáng vẻ khác nhau (bút pháp ước lệ)

Chẳng hạn, cũng là mùa thu, nhưng mỗi lần xuất hiện, ngôi bút của Nguyễn Du lại mang cho nó mỗi sắc áo khác nhau:

- Long lạnh đầy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.
- Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
- Giâu thu vừa nảy chồi sương,
Gối yên đã thấy xuân đường đến nơi.
- Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời.

Với việc khắc họa thiên nhiên, Nguyễn Du không phải chỉ xây dựng một bức tranh phong cảnh mà ông đã tái tạo một thiên nhiên thứ hai, được cá thể hóa, gắn vào đó tâm trạng của nhân vật, biến đổi theo nhân vật, mỗi nơi một khác, làm nên không gian trữ tình để từ trong đó nhân vật bộc lộ tâm trạng, số phận của mình. Qua thiên nhiên, người đọc có thể lờ mờ nhận ra được những suy nghĩ, lo lắng, hay tâm sự của nhân vật trữ tình (tả cảnh ngụ tình)

Nếu nhìn tổng quát, ngoại trừ rất nhiều trường hợp Nguyễn Du lồng thiên nhiên vào chỉ bằng một hai câu thơ ngắn nhưng cũng đủ hoán cải nội dung câu chuyện so với *Kim Vân Kiều truyện*, như hình ảnh “*Vàng trắng vắng vặc giữa trời / Đình ninh đôi miệng một lời song song*” trong đêm thề nguyên giữa Thúy Kiều và Kim Trọng để cho mối tình đôi lứa có thêm một nhân vật chứng giám (*Kim Vân Kiều truyện* chỉ viết: “Hai người cùng lạy trời đất, đọc rõ bài minh thệ, đọc xong mời nhau chén tạc chén thù rất là vui vẻ), hay hình ảnh “*Đêm khuya khắc lậu canh tàn / Gió cây trút lá trắng ngàn ngậm gương / Lối mòn cỏ lọt màu sương / Lòng quê đi một bước đường một đau*” trong cái đêm Sở Khanh lừa Kiều đi trốn khỏi lầu Ngưng Bích, mở ra con đường hun hút vô vọng trên từng bước chân của Thúy Kiều trong cuộc trốn chạy (*Kim Vân Kiều truyện* chỉ viết: “Lúc bấy giờ vào khoảng tháng chín, trong kỳ sương giáng, cảm thấy hơi lạnh rợn người, lại không có trăng, cảnh vật thật là thê thảm), v.v... mà ta không thể đếm xuể, thì ít nhất có 9 trường đoạn Nguyễn Du lồng rất đậm thiên nhiên vào trong *Truyện Kiều* mà *Kim Vân Kiều truyện* hoàn toàn không thấy: đoạn chị em Kiều đi thanh minh; đoạn Thúy Kiều sau khi đi thanh minh trở về giữa đêm khuya ngồi trước hiên lầu nghĩ ngợi; đoạn Kim Trọng bị tiếng sét ái tình thúc đẩy phải tìm trở lại nơi lần đầu gặp gỡ cho khuây bớt nhớ nhung; đoạn đường Mã Giám Sinh đưa Kiều về Lâm Truy; đoạn Kiều ở lầu Ngưng Bích; đoạn Thúc Sinh từ biệt Kiều về thăm Hoạn Thư; đoạn Kiều trốn khỏi Quan Âm các; đoạn Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường; đoạn Kim Trọng trở lại vườn Thúy.

Ngay mở đầu thiên truyện, trong cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều, gặp mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng, Thanh Tâm Tài Nhân chép rất kỹ việc Kiều đề thơ trước mộ nàng ca kỹ, việc Đạm Tiên hiển linh thành ngọn gió Tây u ám làm mọi người hoảng sợ và nỗi cảm thương của Thúy Kiều đối với con người hồng nhan bạc phận, việc Kim Trọng nhìn thấy hai chị em Thúy

Kiều xinh đẹp liền tơ tưởng ngay đến chuyện làm sao lấy cho được cả hai... Nhưng đáng tiếc, khung cảnh làm nền cho những cuộc gặp gỡ ấy, vốn đóng vai trò then chốt chi phối hai phương diện tình yêu và vận mệnh của nàng Kiều về sau, ông lại hoàn toàn bỏ qua, chỉ chép có mấy dòng vắn tắt. Tuyệt không thấy có sự hiện diện của thiên nhiên.

Trong khi đó, bằng linh cảm của một nghệ sĩ lớn, Nguyễn Du có lẽ đã nhận thức được tầm vóc của trường đoạn thanh minh nó khởi đầu mọi nút thắt cho toàn bộ tấn bi kịch bằng thơ của mình. Vì thế ông đã chủ tâm dựng lên cả một không gian rộng lớn, vừa hư vừa thực, để làm môi giới cho những mặt ẩn kín trong tính cách con người Thúy Kiều có dịp phát lộ: một con người rất đa cảm, trong một thời khắc đặc biệt và trước cái đẹp của tạo vật đang hồi sinh mơn mớn, nàng bất thần được chạm trán cùng một lúc với *thần số mệnh* và với *hạnh phúc rạn vỡ* của mối tình đầu. Ta thấy rất rõ điều này qua bức tranh ngày xuân và bức tranh hội tan trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân".

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật

Trong xây dựng nhân vật, Nguyễn Du đã kế thừa mặt mạnh của Thanh Tâm Tài Nhân, nhưng ông không đi theo hướng của Thanh Tâm Tài Nhân mà chú trọng miêu tả từ ngoại hình, tính cách, tài năng đến tâm lí, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. Khi miêu tả nhân vật, Nguyễn Du miêu tả ngoại hình trước, tính cách, tài năng sau, đồng thời, điểm tô, chấm chút bằng những nét mới.

Chẳng hạn, khi miêu tả Vân và Kiều, Ng Du không chỉ ca ngợi vẻ đẹp tài sắc như Thanh Tâm Tài Nhân đã làm mà còn ca ngợi cả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm hạnh:

*Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Êm đềm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

Cũng vì muốn ca ngợi đức hạnh của nàng Kiều mà Nguyễn Du đã bỏ qua những chi tiết trong truyện mang tính chất tầm thường (như khóc, ngã vào lòng Kim Trọng). Nguyễn Du đã xây dựng nàng Kiều toàn thiện, toàn mỹ, từ đó, khắc sâu thêm nỗi đau của một người tài sắc và đức hạnh bị gió táp, mưa sa vùi dập, phải quăng thân vào vòng ô nhục.

Trường hợp nhân vật Kim Trọng, Nguyễn Du cũng có những sáng tạo mới mẻ. *Kim Vân Kiều Truyện* chỉ miêu tả: "*Bỗng thấy xa xa một chàng thanh niên cười ngửa đi đến, hình dung phong lưu nho nhã, quần áo chỉnh tề, gió trắng lưng túi, tay khẩu lông buông, sau lưng theo một vài thằng con con*". Nguyễn Du đã đặt nhân vật trong không gian đầy lãng mạn:

*Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời...
Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.*

Một ví dụ khác, giới thiệu Từ Hải, Nguyễn Du trước tiên chưa muốn để lộ thân thế của Từ mà hãy để Từ đột ngột hiện ra với diện mạo và phong thái một con người phi phàm, gây một ấn tượng đặc biệt cho cả Thúy Kiều và người đọc:

*"Lần đầu gió mát trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.
Râu hùm hàm én mày ngài,
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.
Đội trời, đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Giương đàn nửa gành non sông một chèo.
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng"*

Chỉ bằng mấy câu thơ ước lệ ông đã làm điều đó hết sức thành công. Để cho hình tượng của Từ càng được thăng hoa, nhà thơ không chịu trần tục hóa người anh hùng thành kẻ đi buôn

như *Kim Vân Kiều truyện*, vì đi buôn thì có khác gì Thúc Sinh là người “quen thói bốc rời”, Kiều đâu có lạ. Ông cấp cho họ Từ một hành tung đi mây về gió, một con người đầy lãng mạn, nâng cao thêm trí tưởng tượng của độc giả: “*Giang hồ quen thú vầy vùng / Guom đàn nửa gánh non sông một chèo*”.

Đặc biệt hơn, Ng Du chú trọng miêu tả tâm lí nhân vật, giúp nhân vật hiện lên sống động hơn, chân thực hơn.

Thúy Kiều gặp Kim Trọng, “*Người quốc sắc kẻ thiên tài / Tình trong như đã mặt ngoài còn e*”, đây mới là thông báo khách quan của người kể chuyện. Nhưng “*Chập chờn con tỉnh con mê / Rón ngòi chẳng tiện dứt về chìn khôn*” thì đã là hoạt động tâm lý xảy ra ngay trong thời khắc hiện tại của cả đôi bên, người kể chuyện đã đứng ở điểm nhìn bên trong nhân vật mà nói. Trong cuộc hội ngộ giữa Kiều - Kim bên nhà Kim Trọng, tình yêu cũng theo tâm lý mà thay đổi. Lúc đầu Kiều còn nói những lời kiêu cách, tỏ ra nàng còn e ngại: “*Nàng rằng: Trộm liếc dung quang / Chẳng sân ngọc bội cũng phùng kim môn*”. Kim Trọng cũng hứa một cách kiêu cách không kém: “*Ví dù giải kết đến điều / Thì đem vàng đá mà liêu với thân*”. Nhưng rồi sau một ngày trò chuyện không dứt, cả hai đã bước được một bước rất dài, mọi e dè lo lắng không còn, tâm trạng giữa đôi bên thật sự cởi mở: “*Lòng xuân phơi phới chén xuân tâng tâng*”. Lời thông báo này cũng không còn là lời thông báo bên ngoài mà đã nằm ngay trong nhân vật. Kiều quay về nhà, thấy cha mẹ chưa về, lại “xăm xăm băng lối vườn khuya” trở sang. Nhìn thấy Kim Trọng đã thiêu thiêu ngủ trong khi mình vẫn một lòng một dạ vì yêu, nàng không khỏi có chút hờn dỗi: “*Bây giờ rõ mặt đôi ta / Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao*”. Người kể chuyện đến đây tề nhị ẩn hẳn đi, để cho nhân vật tự phơi trải lòng mình. Cho đến sau khi hai bên đã thề nguyện, Kiều đã đánh đàn cho Kim Trọng nghe, không còn chút mặc cảm nào giữa trai tài gái sắc, người kể chuyện lại xuất hiện trở lại, thông báo tiếp một bước biến đổi tâm lý cao hơn: “*Hoa hương càng tỏ thức hồng / Dầu mảy cuối mắt càng nồng tấm yêu*”...

Điều làm nên sự trường tồn của tác phẩm *Truyện Kiều* chính là thế giới nội tâm vô cùng phong phú, tinh tế và sâu sắc của nhân vật, làm cho mỗi nhân vật có một đời sống riêng, một sức sống riêng, lay động lòng người, đi vào nhân gian và sống giữa nhân gian như những con người thật. Đây cũng chính là thể hiện trái tim yêu thương con người vô bờ bến của Nguyễn Du. Vì yêu thương nên nhân lên vẻ đẹp cao quý của tâm hồn, thông cảm sâu sắc với nỗi đau tận đáy của con người, tập trung cao nhất vẫn là ở nỗi đau khô của nàng Kiều, nhân vật chính.

Đọc *Truyện Kiều*, ta thấy thương cảm, trắc ẩn, đón đau cùng Kiều như chính nỗi đau của mình. Đó là trạng thái vừa tự xót thương, vừa tự khinh rẻ bản thân của một con người có phẩm hạnh cao quý, dù biết rằng “phận dầu, dầu vậy, cũng dầu” nhưng vẫn không thể chấp nhận nỗi bản thân: *Tiếc thay trong giá trắng ngần/ Đến phong trần, cũng phong trần như ai!; Khéo là mặt dạn mày dày/ Kiếp người đã đến thế này thì thôi!... Khi tình rượu, lúc tàn canh/ Giật mình mình lại thương mình xót xa/ Khi sao phong gấm rủ là/ Giờ sao tan tác như hoa giữa đường/ Mặt sao dày dạn gió sương/ Thân sao bướm chán ong chường bấy thân; Chút thân quần quai vũng lầy/ Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao? Là những hình ảnh: Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn; Ôm lòng đòi đoạn xa gần/ Chẳng vò mà rứt, chẳng dần mà đau trong cái vòng luẩn quẩn, bí bách, mòn mỏi, vô vọng của một kiếp người bất hạnh. Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng...*

- Nghệ thuật kể chuyện

Ở góc độ cách kể chuyện, chúng ta thấy Ng Du là một người kể chuyện tài năng. Ông biết lựa chọn bỏ hoặc thêm, sắp xếp các tình tiết hợp lí. Cách kể của Thanh Tâm Tài Nhân là cách kể theo truyền thống, kết hợp được những yếu tố kỳ ở những việc khác thường và *xảo* qua việc báo mộng, ngẫu hợp với cơ trí mưu mẹo của con người. Người Trung Quốc thích câu chuyện phải kỳ (Vô kỳ bất truyền). Kỳ lạ, hiếm có, khác thường, ở *Kim Vân Kiều truyện* có nhiều như việc Thuý Kiều khóc trước nấm mồ vô chủ, tự đến với người tình, tự hứa việc trăm năm... Rồi bài học bảy chữ, tám nghề của Tú Bà, vụ viên quan ở Lâm Tri xử kiện... đến việc Đạm Tiên hẹn với Kiều ở sông Tiền Đường, việc Giác Duyên thuê người vớt được nàng để sau này gặp lại gia đình... Câu chuyện của Trung Quốc còn phải khéo tức là *xảo*. Khéo ở chỗ bố trí nhiều sự việc lặp lại, bề ngoài giống nhau mà bên trong khác nhau như những lần Kiều gảy đàn, Kiều lấy chồng, Kiều mơ thấy Đạm Tiên... mỗi lúc một khác. Lại còn chuyện tình và mộng ảo, hư thực đan xen, và đặc biệt *Kim Vân Kiều truyện* còn gồm rất nhiều chuyện nhỏ, tình yêu bi hoan, ly hợp, gặp

gỡ chia lìa, chuyện vu oan giá hoạ... đến những chuyện đánh ghen, báo ân, báo oán. Nguyễn Du bỏ hết, ông chọn những chi tiết nào thật cần thiết mới giữ lại và cũng trình bày theo cách kể của ông, sáng tạo lại và phát huy những điểm mạnh để làm cho đúng theo ý đồ nghệ thuật của mình. Người kể chuyện và nhân vật có những lúc hoà nhập với nhau làm một, tức là có sự hài hoà giữa chủ thể kể chuyện với chủ thể trữ tình khi kể lại câu chuyện và lắm khi ta không biết những tình ý ấy là của nhân vật hay của người kể chuyện vô hình. Những câu thơ *Kiều* có khả năng tạo nên âm hưởng đa thanh, giúp ta lật đi lật lại nhiều góc cạnh của vô vàn trải nghiệm về cuộc sống:

- “Sầu đông, càng lắt càng đầy,
Ba thu dồn lại, một ngày dài ghê”
- “Dầu rằng sông cạn đá mòn,
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ”
- “Chém cha cái số hoa đào,
Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi”
- “Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vắn lên mây lần.
Hồng quân với khách hồng quân,
Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha”
- “Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh”

Về điểm nhìn trần thuật, Nguyễn Du thực sự là một nhà văn đã có những đổi mới: ông đặt điểm nhìn ở tâm lý nhân vật, dẫn truyện bằng đường dây tâm lý, để từ đó xây dựng được những nhân vật có ý thức, có chiều sâu. Truyện *Kiều* là một tác phẩm tự sự đa chiều, nhiều giọng, nhiều điểm nhìn. Một mặt là những điểm nhìn có sẵn của truyền thống tự sự trung đại. Đó là điểm nhìn tiểu thuyết chương hồi, điểm nhìn lễ giáo. Nhưng mặt khác Nguyễn Du đã đem vào những điểm nhìn mới lạ: điểm nhìn thi ca, điểm nhìn cá nhân, điểm nhìn nhân văn, điểm nhìn nội tâm, điểm nhìn tao nhã và điểm nhìn thông tục đời thường. Truyện *Kiều* trước hết là một tác phẩm truyện thơ Nôm, sáng tác trên cơ sở một tiểu thuyết văn xuôi chương hồi của Trung Quốc, cho nên trước hết nó mang trong mình vừa con mắt thơ của truyện thơ, vừa con mắt văn xuôi đậm chất tiểu thuyết. Thứ hai, Truyện *Kiều* vừa mang quan điểm đạo đức quan phương trung hiếu tiết nghĩa, vừa mang quan điểm của người dân bị chà đạp và khao khát muốn tháo cũi sổ lồng.. Thứ ba, Truyện *Kiều* mang tư duy tu từ của lối sáng tác theo câu chữ, hình ảnh có sẵn, vừa mang tư duy có tính cá thể hiện đại tươi mới. Thứ tư, Truyện *Kiều* vừa tao nhã, quý phái vừa thể tục, suồng sã. Truyện *Kiều* vừa kết tinh tinh hoa tiếng Việt dân dã, trữ tình, vừa bao gồm tinh hoa ngữ liệu Hán với rất nhiều điển cố thơ văn cổ điển. Thứ năm, Truyện *Kiều* về triết lý, vừa có quan điểm nho gia, vừa có phật gia, đạo gia. Chính nhờ có nhiều điểm nhìn trái chiều phối xen mà thế giới tác phẩm đa nghĩa, đa chiều, thâm mỹ phong phú thỏa mãn những cách cảm thụ và diễn giải khác nhau. Các điểm nhìn mới đó đã làm mới câu chuyện, làm mới hình thức và nội dung tác phẩm, biến một tác phẩm thường thường bậc trung thành một kiệt tác tầm cỡ thế giới.

Ví dụ, về việc bán mình, có cái nhìn từ phía luân lý đạo đức: “Làm con trước phải đến ơn sinh thành”, nhưng từ góc độ cá nhân thì nổi lên sự không đành lòng: “Ôi Kim lang, Hỡi Kim lang, Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây”. Chuyện cạy em thay lời vừa muốn vừa không muốn: “Duyên này thì giữ, vật này của chung”.

Đối với chữ trinh khi thì một mặt, “Đạo tông phụ lấy chữ trinh làm đầu”, mặt khác, “Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường”. Khi thì lại như không cần trình tiết nữa: “Biết thân đến bước lạc loài, Nhị đào thà bẻ cho người tình chung”.

Đối với việc đi tu của Phật, có quan điểm tin vào phép Phật nhiệm màu: “Cho hay giọt nước cành dương, Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên”. Nhưng từ quan điểm cá nhân thì đi tu là một sự hủy hoại tuổi xanh: “Đã đem mình bỏ am mây”; “Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi”. Đi tu là một sự bất đắc dĩ.

Đối với ông Trờì, quan điểm định mệnh của Nguyễn Du là rất rõ và nhất quán, tuy vậy cũng có lúc cho rằng “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.” Trờì của Nguyễn Du không đồng nhất với Thiên của nho giáo, vốn là một “thiên lí” siêu hình, mà là một kẻ biết xúc động với với hiểu tâm của Kiều, sẵn sàng nghiêm trị bọn bạc ác tình ma.

Truyện Kiều kể thừa quan điểm chữ Thân trong Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, nhìn con người qua quan điểm hình nhi hạ. Nếu lấy cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII là dấu mốc chia văn học Việt Nam trung đại làm hai giai đoạn thì ta thấy từ thế kỉ XVII về trước con người trong văn học chỉ được quan tâm từ hình nhi thượng, tức là con người sống theo đạo lí, nhìn người theo đạo lí. Còn văn học từ thế kỉ XVIII trở đi lại nhìn người chủ yếu theo hình nhi hạ, tức là nhìn người theo tấm thân. Thân đây là thân thể, cái phần vật chất sẽ bị thời gian tàn phá, sẽ có thể mua bán, có thể bị giày xéo, hư nát, khổ đau. Truyện Kiều là tác phẩm tự sự theo điểm nhìn chữ Thân. Những người hiểu nhân vật qua chữ tài, sắc, chữ tình, chữ hạnh đều không hiểu gì Truyện Kiều. Những người bám vào câu “tài mệnh tương đố” cũng không hiểu được Truyện Kiều. Bởi Truyện Kiều là tác phẩm kể về một *Tám thân quần quai vũng lầy, Thân lươn bao quản lấm đầu*, kể nỗi đau của *Tám lòng trinh bạch từ nay cũng chừa*. Truyện Kiều là sự phát triển sâu sắc nhất của dòng văn học chữ Thân trong văn học Việt Nam thế kỉ XVIII. Nguyễn Du đã nâng tư tưởng tài mệnh tương đố lên mệnh đề thân mệnh tương đố rất sâu sắc.

Tóm lại, với sự sáng tạo về ngôn ngữ và thể loại, Nguyễn Du đã có công lao to lớn trong việc khẳng định sự giàu đẹp của tiếng Việt. Với sáng tạo về mặt nội dung, Truyện Kiều của Nguyễn Du đã chứa đựng tri hiện thực và giá trị nhân đạo vô cùng to lớn. Truyện Kiều xứng đáng được xem là một kiệt tác của nền văn học Việt Nam. Nhà phê bình Hoài Thanh đã đánh giá: “Nguyễn Du đã biến một quyền truyện tuy cũng có giá trị nhưng chưa phải là ưu tú thành một tác phẩm vô song trong văn học Việt Nam và có thể so sánh với vô luận tác phẩm ưu tú nào trong văn học thế giới.” Trần Đình Sử lại khẳng định: “Tác động nhiều mặt của *Truyện Kiều* đối với sáng tác đương thời và đời sau, đối với đời sống văn học, làm nảy sinh các hình thức sáng tác phê bình giải trí tao nhã, cũng như tạo hình một đời sống lịch sử của riêng nó suốt gần 200 năm và còn dài lâu nữa, đã chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của nó có thể sánh ngang với bất kỳ tác phẩm vĩ đại nào của nhân loại.”

2.3. Giá trị nội dung

2.3.1. Giá trị hiện thực

- Tác phẩm phản ánh sâu sắc giá trị hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị chà đạp lên quyền sống của con người (bộ mặt quan lại, sự huỷ hoại của đồng tiền, thế lực nhà chứa...)

+ Bản chất của bọn sai nha được vạch trần :

Một ngày lại thói sai nha

Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền

+ Đồng tiền dùng để hối lộ quan lại :

Tính bài lót đó luôn đây

Có ba trăm lạng việc này mới xong

+ Đồng tiền bóp méo công lý :

Trong tay sẵn có đồng tiền

Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì

Sức mạnh của đồng tiền khi nó nằm trong tay kẻ xấu thật kinh khủng, đồng tiền đã thành một thế lực vạn năng chi phối mọi hoạt động, làm băng hoại lương tâm, nhân phẩm của con người. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã viết về đồng tiền trong Truyện Kiều: “Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí, sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông, Tú Bà, Mã Giám Sinh vì tiền mà làm nghề buôn

thịt bán người, Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm, Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác, cả một xã hội chạy theo đồng tiền”. Cuộc đời đầy nước mắt của người con gái tài sắc Thuý Kiều cũng bắt đầu từ chính sức mạnh và sự bất nhân của đồng tiền.

- *Thể hiện số phận con người bị áp bức đau khổ, đặc biệt là số phận người phụ nữ:*
 - + Số phận nàng Kiều đau đớn tủi nhục trong xã hội bất công, thối nát.
 - + XHPK đã tước đoạt mất tình yêu tự do của Kiều, đẩy Kiều vào bi kịch “ Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần” - một số kiếp đoạn trường cay đắng.

2.3.2. Giá trị nhân đạo

- *Trân trọng, đề cao con người (từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến ước mơ, khát vọng, tình yêu chân chính); hướng tới những giải pháp XH đem lại hạnh phúc cho con người.*
 - + Ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình, phẩm chất, tài năng của nàng Kiều
 - + Mối tình Kim – Kiều thể hiện mơ ước và quan niệm về tình yêu tự do.
 - + Xây dựng nhân vật Từ Hải, phiên toà báo ân báo oán thể hiện ước mơ công lí, nhân ái, tôn trọng con người
- *Thương cảm sâu sắc trước những đau khổ của con người*
 - + Trong sự nghiệp văn thơ của mình, Nguyễn Du dành tình cảm cho mọi nỗi bất hạnh của con người, đặc biệt là dành cho kiếp “tài hoa bạc mệnh” của Kiều, Đạm Tiên, Tiểu Thanh. Cuộc đời Thuý Kiều nếm trải đủ mọi điều đắng cay, tủi nhục. Nguyễn Du đau đớn xót xa cho nỗi khổ tài sắc bị biến thành hàng hoá nên lời thơ của ông luôn nhức nhối khi nói về nỗi khổ.
 - + 15 năm lưu lạc, Kiều đã nếm đủ mọi đắng cay tủi nhục của thân phận con người và 15 năm đoạn trường kết thúc ở sông Tiền Đường. Sau đó nàng đoàn tụ với Kim Trọng nhưng hạnh phúc cuối cùng ấy cũng chỉ là “ Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”.
 - + Nguyễn Du như một người âm thầm lặng lẽ theo Kiều trong 15 năm lưu lạc. Đã bao phút giây NĐu cùng khóc, cùng đau đớn với Kiều. Nhiều khi có những câu thơ, lời than mà không thể phân biệt được đâu là NĐu, đâu là Kiều.
- *Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo đã chà đạp lên quyền sống của con người; đề cao tự do và công lí.* Cuộc đời Thuý Kiều là một bản cáo trạng đanh thép tố cáo xã hội phong kiến bất nhân, xã hội ấy làm cho người lương thiện phải tìm đến cái chết. Còn khát vọng tự do và công lý được ông gửi gắm qua nhân vật Từ Hải và màn báo ân báo oán.

✿ Nhận xét về Nguyễn Du và Truyện Kiều, tác giả Mộng Liên Đường trong lời tựa Truyện Kiều đã viết: “Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thìa, ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột. Tổ Như Tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh cũng hết, đàm tình đã thiết, nếu không có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy” chính là đã khái quát rất tuyệt vời về giá trị của Truyện Kiều trên mọi phương diện.

2.4. Giá trị nghệ thuật

2.4.1. Một số khái niệm cơ bản

- **Bút pháp:** cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để phản ánh hiện thực, thể hiện tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật.
- **Ước lệ:** là biện pháp diễn đạt bằng hình ảnh có tính chất qui ước thường được dùng trong văn chương cổ. Ví dụ, dùng hình ảnh “tuyết rơi” để tả mùa đông, “lá vàng rụng” để chỉ mùa thu, “giọt châu” để chỉ giọt nước mắt, “làn thu thủy” để chỉ ánh mắt của người con gái.

- **Tượng trưng:** là biện pháp diễn đạt cái trừu tượng bằng một hình ảnh cụ thể thường lấy từ cây cỏ, chim muông. Ví dụ, hình ảnh cây trúc tượng trưng cho người quân tử, cây tùng tượng trưng cho nhân cách cứng cỏi, vững vàng, tuyết tượng trưng cho tâm hồn trong sáng,...

- **Ước lệ và tượng trưng** là một đặc điểm của nghệ thuật thơ văn cổ. Đó là cách diễn đạt theo qui ước, khuôn mẫu có sẵn làm cho lời thơ, lời văn thêm tao nhã, thâm thúy. Cả hai thủ pháp này giống nhau ở chỗ cả hai đều là hình ảnh ẩn dụ và khác nhau ở chỗ tượng trưng là một hình ảnh hoàn chỉnh, ước lệ phần nhiều chỉ là một chi tiết của hình tượng. Phương pháp nghệ thuật cổ không miêu tả hiện thực theo dạng tả chân thực, văn học cổ dùng hình ảnh ước lệ tượng trưng đem lại cho lời văn lời thơ trang nhã, bóng bẩy, súc tích. Nhưng, ước lệ tượng trưng được sử dụng một cách sáo mòn, rập khuôn theo công thức sẽ làm cho câu văn, câu thơ rơi vào tình trạng hình thức, nghèo nàn về nội dung.

- **Tả cảnh ngụ tình:** miêu tả cảnh vật qua đó bộc lộ những tưởng cảm xúc và suy nghĩ của mình. Đây là biện pháp thường thấy trong văn chương trung đại.

2.4.2. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên

2.4.2.1. Thiên nhiên trong văn học trung đại

Trong sáng tác của các nhà thơ, nhà văn trung đại hình như không hề vắng bóng thiên nhiên. Thiên nhiên biểu hiện cảm quan vũ trụ, mỹ cảm và tư tưởng triết học phương Đông của các nghệ sĩ Nho học này. Hiện tượng này có thể bắt nguồn từ xã hội kinh tế nông nghiệp thô sơ của thời trung đại. Con người sống giữa thiên nhiên, trực tiếp khai thác thiên nhiên bằng bàn tay lao động của mình. Thiên nhiên là nguồn nuôi dưỡng tinh thần và vật chất cho con người. Hiện tượng nghệ thuật này cũng có thể nảy sinh từ hệ triết học phương Đông: con người hòa đồng với vạn vật, tạo vật và con người tương sinh trong thế giới này. Vì những căn cứ trên, thiên nhiên không tách khỏi con người như một khách thể trong văn chương. Con người cảm thụ thiên nhiên như là một chủ thể. Con người đã gán cho thiên nhiên những phẩm chất, thuộc tính của chính mình. Thiên nhiên chưa được khám phá với những giá trị tự thân, chưa thực sự là đối tượng hiện thực của văn học. Người ta tìm đến với thiên nhiên và xem thiên nhiên như là một tư liệu để đề ngụy tình hay giáo huấn đạo đức. Điều này khác với văn chương hiện đại. Văn chương hiện đại tôn trọng sự sống riêng của tạo vật thiên nhiên. Thiên nhiên được miêu tả như là một khách thể.

Từ tư tưởng và quan niệm trên, văn chương trung đại đã miêu tả thiên nhiên theo một bút pháp đặc biệt: không tả hình xác của tạo vật mà gọi tả linh hồn của thiên nhiên. Thiên nhiên trở thành ý niệm tượng trưng, dấu hiệu tượng trưng, chứa đựng những cảm giác, cái không thấy của con người. Thiên nhiên là nơi gởi gắm những tư tưởng, tình cảm hay triết lý của con người.

2.4.2.2. Thiên nhiên trong Truyện Kiều

- Miêu tả thiên nhiên trực tiếp

Có rất nhiều loại bút pháp miêu tả: tả cảnh, tả người, tả trực tiếp, tả gián tiếp (*mượn cảnh để tả tình*). Không phải tác giả nào cũng thành công ở tất cả các loại bút pháp, nhưng riêng Nguyễn Du thì trở thành một thiên tài bậc thầy của nền văn học dân tộc.

Ở phần đầu đoạn trích "*Cảnh ngày xuân*" Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp miêu tả thiên nhiên trực tiếp.

*"Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa".*

Bốn câu thơ đầu Nguyễn Du đã mở ra một không gian nghệ thuật hữu sắc, hữu hương, hữu tình, nên thơ. Giữa bầu trời bao la, mênh mông là những cánh én bay qua, bay lại như *"thoi đưa"*. Cánh én ngày xuân thân mật biết bao. Hai chữ *"đưa thoi"* rất gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ miêu tả cánh én như con thoi vút qua, vút lại chao liệng như muốn nói thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang trôi nhanh, ngày vui trôi rất nhanh.

Sau cánh én *"đưa thoi"* là ánh xuân, là *"thiếu quang"* của mùa xuân khi *"chín chục đã ngoài 60"*. Cách tính thời gian và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân của các thi nhân xưa nay thật là hay và ý vị. Nào là cảnh mưa bụi (Cuối xuân tức sự - Ng Trãi), là *"xuân hồng"* (*Xuân Diệu*), *"Mùa Xuân chín"* (*Hàn Mặc Tử*) ...với Nguyễn Du là mùa xuân đã bước sang tháng thứ ba, *"thiếu quang chín chục đã ngoài sáu mươi"*. Hai chữ *"thiếu quang"* gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái âm áp của khí xuân, cái mênh mông bao la của đất trời. Nếu hai câu thơ trên là thời gian, là không gian xuân thoáng đạt, thì hai câu dưới là bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân.

*"Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"*

Vần cổ thi Trung Hoa được Tố Như vận dụng một cách sáng tạo: *"Phương thảo liên thiên bích - lê chi sổ điểm hoa"*. Hai chữ *"trắng điểm"* là nhãn tự, cách chấm phá điểm xuyết của thi pháp cổ gợi lên vẻ đẹp thanh xuân trinh trắng của thiên nhiên cỏ hoa; bút pháp nghệ thuật phối sắc tài tình: thảm cỏ xanh non trải rộng tới chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Màu sắc có sự hài hoà đến tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi giàu sức sống.

Như vậy, bằng vài nét chấm phá, miêu tả bậc thầy *"Cảnh ngày xuân"* trở thành bức tranh xuân hoa lệ, là vần thơ tuyệt bút mà Nguyễn Du trao tặng cho đời, điểm tô cho cuộc sống của mỗi chúng ta. Phải chăng thi sĩ Chế Lan Viên đã học tập Tố Như để viết nên vần thơ xuân tuyệt đẹp này:

*"Tháng giêng hai xanh mướt cỏ đồi,
Tháng giêng hai vút trời bay cánh én..."*

(*"Ý nghĩ mùa xuân"*)

- Tả cảnh ngụ tình

Thi nhân xưa thường hay mượn cảnh để tả tình, nhìn cảnh mà thấy được tình. Trong bức tranh *"Cảnh ngày xuân"* cũng vậy:

*"Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang."*

Bức tranh ở đây không còn tươi rói, tinh khôi nữa mà dường như đã nhuộm màu tâm trạng. Nguyễn Du thật khéo khi miêu tả thiên nhiên, vẫn là cây cầu nhỏ, khe nước nhỏ, vẫn là cái thanh, cái dịu của mùa xuân, nhưng ông đã tả chúng dưới một góc nhìn khác, một thời điểm khác, nên giữa cảnh và tình có sự giao hoà đồng điệu với nhau. (Trong cái *"nao nao"* của dòng nước như có cả cái *nao nao* của lòng Kiều vì sự linh cảm).

Nguyễn Du dùng hàng loạt từ láy để tả sắc thái cảnh vật và tâm trạng của nhân vật: *tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ*, ta như thấy được cảm giác băng khuâng, xao xuyến của chị em Thúy Kiều trên đường trở về sau một ngày du xuân.

Bút pháp tả cảnh ngụ tình ta không chỉ gặp trong "*cảnh ngày xuân*" mà ta còn thấy trong đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*".

*"Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia."*

Bức tranh lầu Ngưng Bích có những cồn cát nhấp nhô, bát ngát, những bụi sắc đỏ thối bốc lên và xa xa là những dãy núi non trùng điệp và có cả ánh trăng. Cảnh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng, trơ trọi, rợn ngợp ở lầu Ngưng Bích là để làm nổi bật tâm trạng, nỗi buồn, niềm cô đơn buồn tủi của nàng Kiều.

Có thể nói bức tranh trước lầu Ngưng Bích không còn đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà là bức tranh "*tâm cảnh*" - trong cảnh có tình, trong tình có cảnh.

*"Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?"*

Kiều đang trong tâm trạng buồn cô đơn tẻ tái nên nàng nhìn đâu cũng thấy buồn. Tám câu cuối trong đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" Nguyễn Du tả khung cảnh thiên nhiên xung quanh lầu Ngưng Bích là để tả tâm trạng Thúy Kiều. Đây là một bức tranh phong phú và sinh động về ngoại cảnh và tâm cảnh. Nổi bật trong đoạn thơ là tâm trạng đau buồn da diết của Thúy Kiều:

*"Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?"*

Cánh buồm thấp thoáng xa xa trên mặt biển trong buổi chiều tà gợi lên ở nàng nỗi buồn da diết về quê nhà xa cách hay là trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến nhưng vô vọng.

*"Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?"*

Phải chăng một cánh hoa trôi giữa dòng nước mênh mông là buồn về số phận "*hoa trôi bèo dạt*" của nàng?

*"Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh."*

Cảnh tượng cánh đồng cỏ úa tàn, chân mây mặt đất mờ mịt, xanh xanh phải chăng là nỗi buồn thương vô vọng của nàng?

*"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."*

Gió cuốn mặt duềnh làm cho sóng vỗ ầm ầm ...Cảnh tượng ấy "*kêu quanh ghế ngồi*" là tâm cảnh, nàng cảm thấy như sóng vỗ dưới chân mình. Đây là tâm trạng hãi hùng, lo sợ trước những tai hoạ đang rình rập ập xuống đầu nàng. Như vậy, bằng nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, độc đáo, Nguyễn Du đã khắc hoạ được một bức tranh sinh động về ngoại cảnh và tâm cảnh, trong đó nổi lên tâm trạng nàng Kiều bề bộn bao nỗi buồn đau, chua xót, lo sợ, vô vọng...

2.4.3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

2.4.3.1. Con người trong văn chương trung đại

- Con người vũ trụ

Thời trung đại, con người và thiên nhiên tạo vật được nhìn nhận là một khối thống nhất. Con người là một tiểu vũ trụ luôn tìm về hội nhập cùng đại vũ trụ. Con người vì thế luôn có quan hệ với vũ trụ. Chính quan niệm này đã chi phối quan niệm nghệ thuật về con người trong văn chương: **con người vũ trụ**. Con người vũ trụ thể hiện qua một thi đề phổ biến của thơ trữ tình: con người giao cảm, đối diện đàm tâm với tạo vật vũ trụ, có kích thước vũ trụ.

+ Con người khi gặp oan khuất, chỉ có trời đất thấu hiểu.

Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này (Chinh phụ ngâm-Đặng Trần Côn)

+ Khi thề nguyện keo sơn gắn bó thì núi sông chứng giám lòng thành thủy chung. Khi xử thế lánh đục tìm trong, vong bản lạc đạo, con người tìm về chốn lâm tuyền, cùng bầu bạn với gió trăng. Khi nhập thế thì rồng mây gặp hội.

+ Tầm vóc con người được đo theo chiều kích sông núi:

Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu
Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu
(Thuật Hoài-Phạm Ngũ Lão)

Hay:

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phi sức vẫy vùng trong bốn bể
(Nguyễn Công Trứ)

+ Người đẹp là người sánh ngang với sự hoàn mỹ của vũ trụ và khiến trời đất cũng ghét ghen:

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
(Kiều- Nguyễn Du)

Hoặc:

Chìm đáy nước cá lờ dờ lặng
Lững lờ trời nhận ngẩn ngơ sa
(Cung oán ngâm-Nguyễn Gia Thiều)

Con người vũ trụ luôn ứng xử theo quy luật tuần hoàn của vũ trụ. Thấm nhuần tư tưởng trên, nên người quân tử “xuất xử”, “hành tàng” một cách ung dung thanh thản: gặp tai biến không lo sợ sầu não, gặp vận may không vui mừng đắc chí. Họ luôn sống theo khái niệm “Thời”, theo qui luật: dĩ tắc thái, cùng tắc thông. Trong văn chương xưa, ta thường thấy hình ảnh con người sống theo đạo trời, bước đi cùng tạo hóa. Họ khoan thai, ung dung, hòa mình vào thiên nhiên; thậm chí muốn nhập hã vào vũ trụ.

- Con người đạo đức

Thời cổ-trung đại, người ta chưa phân biệt được tâm và vật. Người ta gán tâm cho vật. Vạn vật khách quan đều có tính chủ thể. Thời gian, không gian đều có xấu tốt, độc lành. Toàn bộ xã hội được nhìn nhận trong một hệ thống tôn giáo - đạo đức nhất định tùy theo từng khu vực văn hóa. Văn chương theo đây mà phản ánh xã hội không phải ở bình diện khách quan mà chủ yếu theo quan niệm đạo đức, luân lý. Nhân loại phân hóa thành hai cực đạo đức và phi đạo đức. Nhân vật trong tiểu thuyết cũng phân hóa thành hai tuyến: thiện và ác, chính và tà, trung và nịnh, quân tử và tiểu nhân. Chủ đề đạo đức, khuynh hướng giáo huấn có tính phổ biến đối với các loại tiểu thuyết, cổ tích thời trung đại

Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.
(Nguyễn Đình Chiểu)

Văn chương không nhằm mục đích nhận thức hiện thực mà chỉ để chuyên chở đạo lý, đấu tranh cho đạo lý. Chức năng giáo dục của văn học được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Các truyện Nôm đều kết thúc có hậu. Văn chương gần như minh họa cho đạo đức, khẳng định triết lý: Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ; khuyên con người tích thiện, hành thiện.

Ai ơi lẳng lẳng mà nghe
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau
(Nguyễn Đình Chiểu)
Hay:
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
(Nguyễn Du)

- Con người phi cá nhân

Trong văn học thời trung đại, con người cá nhân chưa được quan niệm rạch ròi và xây dựng thành một hình tượng nghệ thuật. Đây là một vấn đề có cơ sở xã hội của nó. Xã hội phong kiến, về phương diện kinh tế, không dựa trên nền tảng cá nhân. Do vậy, con người chưa được nhìn nhận như một cá nhân cá thể ý thức. Giá trị cá nhân không được xem xét từ bản thân phẩm chất cá nhân mà ở vai trò của cá nhân trong mối quan hệ giai tầng. Chính vì thế, trong văn chương, từ ứng xử đến tâm tư; từ tình yêu đôi lứa đến tình yêu nước,... tất cả đều theo một chuẩn mực chung của đẳng cấp. Con người cá nhân chưa được giải phóng về nhiều phương diện. Con người sống đồng trục, đồng dạng về tư tưởng tình cảm. Con người xuất hiện trong văn chương với mối quan hệ tình và nghĩa; nhưng không có màu sắc cá nhân.

Từ đó, những thủ pháp nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm cũng giống nhau. Các nhà văn thường sử dụng hành vi bên ngoài và những dấu hiệu thân xác để diễn tả tâm tư nhân vật. Trần Hưng Đạo giận quân xâm lược thì “nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”. Kiều Nguyệt Nga thủy chung với Lục Vân Tiên thì họa hình người mình yêu mà mang theo trên đường công Phiên.

-Con người ý thức

Xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XVIII rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc. Mọi chân giá trị của xã hội bị đảo lộn hay băng hoại. Đây cũng là thời đại khởi nghĩa của nông dân. Chính từ điều kiện xã hội ấy, ý thức cá nhân bắt đầu trỗi dậy. Con người cá thể cảm thấy bị trói buộc nặng nề phi lý của đạo lý, của lễ giáo phong kiến, của hệ thống ước lệ thẩm mỹ phong kiến. Trong đời sống văn học, nhiều tác phẩm có tính chất phản phong xuất hiện như Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều; nhiều tác giả đồng dạng khẳng định cái tôi của mình như Hồ Xuân Hương, Phạm Thái, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ... Có thể đơn cử thơ Hồ Xuân Hương để minh chứng cho điều đã nói ở trên. Hồ Xuân Hương là nữ sĩ đã đưa cái tôi của mình vào thơ, đã trung ra cá tính nổi loạn trên những trang viết của mình. Hồ Xuân Hương đã làm vỡ tung hệ thống ước lệ nghiêm ngặt của văn học trung đại. Trong thơ Hồ Xuân Hương, những gì gọi là hiền nhân quân tử đều bị phạm tục hóa, đời thường hóa. Hồ Xuân Hương đã lên tiếng đòi hỏi hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc cho người phụ nữ “làm lẽ”. Nữ sĩ đã đem hạnh phúc ấy mà xô lệch cái thế giới nghệ thuật trang nghiêm, đạo mạo của các đấng, bậc Hán học; để khẳng định một chất nhân văn mới, một hình thức nghệ thuật mới cho thơ.

Qủa cau nho nhỏ miêng trầu hôi
Này của Xuân Hương đã quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đùng xanh như lá bạc như vôi.
(Mời trầu)

Cũng có thể thấy ở thơ Nguyễn Công Trứ con người cá nhân ý thức. Nguyễn Công Trứ chủ trương hưởng lạc để khẳng định bản thể của cá nhân. Hưởng lạc là sự tự khẳng định cá nhân mình trong thời gian hữu hạn. Do vậy, ta hiểu vì sao nhà thơ không dùng khái niệm “Trăm năm” mà dùng “Ba vạn sáu nghìn

ngày”. Nhưng cần phải thấy rõ, hưởng lạc của Nguyễn Công Trứ nằm trong phạm vi thể hiện cái tài tình của cá nhân: “Bài ca ngất ngưỡng”:

Được mát dương dương người tái thượng

Khen chê phơi phới ngọn đông phong

Nhìn chung, với Nguyễn Công Trứ, ý thức cá nhân được khẳng định với ba phạm trù: công danh, cái nhân hưởng lạc và cái ta hơn người, cái riêng tư tự hào, tự cho là đủ. Tất cả tạo nên một con người cá nhân trong thơ hài hòa, tự tin, phong lưu, tự do, đứng trên mọi sự tính toán được mát khen chê. Đây là bước phát triển cao nhất của ý thức cá nhân mang nội dung phong phú, hài hòa trong văn học Việt Nam thời trung đại.

2.4.3.2. Con người trong Truyện Kiều

- Miêu tả nhân vật qua ngoại hình

+ Bút pháp tương trưng, ước lệ

Đây là một loại bút pháp khá quen thuộc của văn học cổ Việt Nam được thể hiện rõ ở những nhân vật chính diện. Trong "*Truyện Kiều*" ngoại hình nhân vật là những qui phạm, những hình ảnh, chữ nghĩa có sẵn, tiêu biểu là trong nghệ thuật miêu tả: Thuý Kiều, Thuý Vân, Kim Trọng, Từ Hải.

Trong đoạn trích "*chị em Thuý Kiều*", trước khi miêu tả vẻ đẹp của từng người, Nguyễn Du đem đến cho chúng ta những cảm nhận chung về vẻ đẹp của hai chị em. Đó là những trang tuyệt sắc giai nhân:

"Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân.

Mai cốt cách tuyết tinh thần,

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười".

Bút pháp ở đây mang tính ước lệ, tượng trưng, tác giả mượn vẻ đẹp của tự nhiên để nói lên vẻ đẹp của con người, cả hai chị em đều có vóc dáng thanh tao, tâm hồn trong trắng như tuyết. Song mỗi người lại có một vẻ đẹp riêng và đều đạt đến độ hoàn mỹ "*mười phân vẹn mười*".

Thuý Vân:

"Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da."

Không chỉ tươi tắn trẻ trung mà còn kiều diễm. Nguyễn Du lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn cho sắc đẹp của con người. ở đây, Thuý Vân được so sánh với trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc - những biểu tượng của thiên nhiên. Thuý Vân khuôn mặt tròn trịa, đầy đặn, sáng đẹp như trăng rằm, tiếng nói trong như ngọc, mái tóc mượt mà óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp của một cô gái phúc hậu, đoan trang, một vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải nhún nhường, phải chịu thua bức chân dung đẹp và có hồn, vừa bộc lộ tính cách, vừa dự báo số phận nhân vật: một tương lai êm đềm, hạnh phúc sẽ đến với Thuý Vân, chỉ có thể có được ở con người mắt nhìn người sâu sắc và nghệ thuật miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

Chân dung Thuý Kiều nổi bật trên nền chân dung Thuý Vân:

"Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So về tài sắc lại là phần hơn.

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".

Thuý Vân đã được miêu tả như một cô gái đẹp hoàn hảo. Thuý Kiều vượt lên trên cái đẹp hoàn hảo ấy để trở thành một cái đẹp tuyệt đỉnh. Vẫn bằng bút pháp ước lệ, tượng trưng, khi tả Thuý Kiều, Nguyễn

Du chuyển sang chấm phá theo kiểu "điểm nhãn", cốt nêu bật cái thần của vẻ đẹp Thuý Kiều, tập trung vào đôi mắt:

*"Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh".*

Đôi mắt Kiều được ví như "làn nước mùa thu", làn nước mùa thu vừa trong sáng, vừa long lanh, vừa dọn sóng, lại được ẩn dưới nét lông mày thanh tú, mềm mại như dãy núi mùa xuân, càng thêm cái hài hoà kiều diễm. Quả là, Kiều có vẻ đẹp "sắc sảo mặn mà" nàng không chỉ là bậc mỹ nhân có thể khiến cho "thành nghiêng nước đổ" nàng còn có sự sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Nếu vẻ đẹp của Thuý Vân khiến cho thiên nhiên phải nhường nàng, thì vẻ đẹp của Thuý Kiều làm cho hoa cũng phải "ghen", liễu cũng phải "hờn".

Ca dao từng có câu:

*"Một vừa hai phải ai ơi,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen".*

Nguyễn Du cũng linh cảm như vậy về số phận nàng Kiều và ông đã lồng sự linh cảm đó trong bút pháp tài hoa miêu tả nàng. Vẻ đẹp của nàng đã làm cho tạo hoá thiên nhiên phải ghen ghét đố kỵ nên số phận nàng sẽ có éo le, đau khổ, gian truân...

Nhân vật tiếp theo cũng được Nguyễn Du miêu tả với ước pháp ước lệ, tượng trưng là Kim Trọng được miêu tả với nét bút phác hoạ về các phương diện cần thiết khi nói đến một nhân vật thư sinh phong kiến: con tuấn mã; chú tiểu đồng, trang phục, danh tính, gia thế tài năng, học thức. Chàng xuất hiện :

*"Đề huê lưng túi gió trắng,
Sau chân theo một vài thằng con con.*

.....

*Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
Nền phú hậu bậc tài danh,
Văn chương nét đất thông minh tính trời.
Phong tư tài mạo tốt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa."*

Nguyễn Du đã dành cho chàng những ngôn ngữ đẹp nhất, trang trọng nhất, những tình cảm ưu ái nhất khi nói về chàng. Chàng không những là người phong nhã, thanh lịch mà còn có một xuất thân quyền quý "nhà trâm anh", "nền phú hậu", một người có sự phú bẩm rộng rãi của tạo hoá, sự phong phú về tài hoa, trí tuệ "phong tư tài mạo" cũng như trong ứng xử tuyệt vời của chàng. Chàng được xây dựng như một người mẫu lý tưởng.

Và đây, nhân vật Từ Hải, một nhân vật xuất hiện trước mắt mọi người và Thuý Kiều với tầm vóc, dung mạo khác thường:

*"Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao".*

Ngôn ngữ miêu tả ngoại hình ở đây cũng không vượt ra ngoài tính chất công thức ước lệ với những chi tiết đã được quan niệm thẩm mỹ phong kiến quy định cho loại nhân vật anh hùng. Nguyễn Du đã khắc hoạ nhân vật bằng những nét khoẻ mạnh, cao lớn, đường bệ lẫm liệt đã nói lên về phi thường, về hơn đời của Từ Hải.

*"Đường đường một đấng anh hào,
Cón quyền hơn sức, lược thao gồm tài"*

Vẻ đẹp của Từ Hải được Nguyễn Du miêu tả với những từ tôn xưng: Đấng anh hào; những từ có khí phách mạnh mẽ: Đường đường, hơn sức, gồm tài, đội trời, đạp đất, vẫy vùng...

Nói tóm lại, cũng là bút pháp ước lệ, tượng trưng, nhưng mỗi nhân vật lại có một nét khác biệt trong tính cách: Thuý Vân đoan trang phúc hậu; Thuý Kiều sắc sảo mặn mà, Kim Trọng hoà hoa phong nhã; Từ Hải gắn với tính cách phi thường của bậc anh hùng hảo hán. Tất cả những nhân vật chính diện này Nguyễn Du đều giành cho họ những tình cảm trân trọng, đẹp đẽ, ông dùng những từ ngữ đẹp nhất để ngợi ca họ.

+ Bút pháp hiện thực

Bút pháp này được sử dụng ở những nhân vật phản diện đó là những nét vẽ chân thực, sinh động có tính cá thể, tạo nên những diện mạo đặc sắc: Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà...

Mã Giám Sinh là một nhân vật tiêu biểu được chọn giảng trong chương trình sách giao khoa ngữ văn 9. Ở đoạn trích "*Mã Giám Sinh mua Kiều*" chân dung của y hiện lên thật nực cười:

*"Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao".*

Câu thơ miêu tả khách quan mà vẫn không che giấu được cái ý ngăm mĩa mai bên trong. Cách phục sức dụng công cố làm ra vẻ phong lưu, lịch sự của tay con buôn đó phảng phất tính giả tạo và có phần trai lơ, đàng điếm. Miêu tả ngoại hình anh chàng họ Mã nhưng không thể xác định được chính xác về dung mạo như Kim Trọng, Từ Hải... tác giả chỉ chú trọng miêu tả phục sức bề ngoài già mà cố tô cho thành trẻ, là con buôn nhưng lại muốn mượn vẻ phong lưu của một công tử đi hỏi vợ. Những từ "*nhẵn nhụi*", "*bảnh bao*" vốn đã không hàm ý đẹp lại có ở một kẻ ngoại tứ tuần, càng gọi một cái gì không lương thiện, có ý chế giễu, mỉa mai. Còn trong "*Kim Vân Kiều truyện*" Thanh Tâm Tài Nhân chỉ giới thiệu qua nhưng là một lời miêu tả khá ưu đãi với Mã Giám Sinh: "*Mụ Hàm nói xong đi ra, hồi lâu đưa mấy người đến, trong bọn có một người đẹp đẽ, bước tới chào và ngắm nghía Thuý Kiều mãi*".

Như vậy, ta có thể thấy chỉ bằng vài nét chấm phá Nguyễn Du đã phác hoạ khái quát chân dung của một loại người xấu xa trong xã hội, dung mạo của một con buôn lưu manh chuyên nghiệp, bất nhân vì tiền.

- Miêu tả nhân vật qua cử chỉ, hành động

So với thế giới nhân vật trong "*Kim Vân Kiều truyện*" hành động của các nhân vật trong "*Truyện Kiều*" chỉ được kể lại vắn tắt nhưng vẫn bộc lộ rõ bản chất từng nhân vật trong quá trình sáng tác Nguyễn Du đã lược bỏ những cử chỉ hành động không phù hợp với tính cách nhân vật đồng thời ông cũng sáng tạo thêm nhiều những chi tiết mới để soi sáng cho tính cách. ở phần này, tôi lựa chọn một số nhân vật với những cử chỉ, hành động tiêu biểu để thể hiện tính cách.

Mã Giám Sinh sau khi làm lễ "*vấn danh*" được mụ môi đưa vào "*lầu trong*" lúc này bản chất con người hắn mới dần dần được bộc lộ:

"Ghế trên ngòi tót sổ sàng"

Chỉ bằng cử chỉ "*ngòi tót*" Nguyễn Du đã phơi bày chân tướng vô học bản chất con buôn của Mã Giám Sinh. Đó là một cử chỉ vội vàng và khiếm nhã, không phù hợp với địa vị người đi hỏi vợ và không đúng với phẩm cách văn hoá của một Giám Sinh.

Cũng cùng bọn người xấu xa, lừa lọc, Sở Khanh đã trở thành một nỗi lo sợ cho những bạn gái nào đang độ tuổi yêu đương... chỉ bằng một hành động "*lén*", một cử chỉ "*lắm nhảm gật đầu*", Nguyễn Du đã lột trần bộ mặt đáng ghê sợ của Sở Khanh khi đánh lừa Kiều:

"Tuồng đông lay động bóng canh,

Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào".

Rồi nghe Kiều ân cần kể lễ, hấn:

*"Lắng nghe lắm nhắm gật đầu,
Ta đây nào phải ai đâu mà rằng".*

Cử chỉ "*lắm nhắm*" của Sở Khanh có một cái gì đó rất ám muội, không được ngay thẳng nên nó không mang dáng vẻ của một con người tử tế.

Đó là cử chỉ của những loại người lưu manh, xảo trá còn Hồ Tôn Hiến, một viên quan đại thần thì sao? Hấn được sai đi dẹp loạn đã tìm cách mua chuộc Kiều, lừa hại chết Từ Hải. Sau đó, hấn còn ép Kiều hầu hạ dưới màn, làm nhục Kiều:

*"Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình".*

Đằng sau vẻ uy nghiêm của một viên quan đại thần, trước vẻ đẹp của Kiều, Hồ Tôn Hiến cũng phải "*ngây vì tình*", hành động "*ngây*" đã bộc lộ rõ một hình ảnh si mê thấp hèn...

Ngoài những cử chỉ của những loại người trên trong "*Truyện Kiều*" chúng ta còn thấy có cử chỉ "*xăm xăm*" của Thuý Kiều, "*thoăn thoắt*" của Kim Trọng khi họ đến với nhau. Nhân dịp gia đình Kiều về quê mừng thọ, Kim Trọng đã cho rằng đây một thời cơ tốt để gặp Kiều:

*"Thời chân chân thức sẵn bày,
Gót sen thoăn thoắt dạo ngang mái tường".*

Còn Kiều, vì tình yêu, vì khao khát hạnh phúc, được tâm sự với người yêu, nàng đã:

"Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình".

Với cử chỉ "*xăm xăm*", "*thoăn thoắt*", Kiều và Kim Trọng đã bộc lộ rõ họ là những con người dám sống cho tình yêu, họ đã vượt ra khỏi lễ giáo phong kiến để hành động theo sự mách bảo của trái tim.

Tóm lại, những từ "*tót*", "*lên*", "*lắm nhắm*", "*xăm xăm*", "*thoăn thoắt*", là những từ rất chính xác, rất đắt chỉ có ở Nguyễn Du, chứ không có ở "*Kim Vân Kiều truyện*". Nhờ thế nhân vật trong "*Truyện Kiều*" hiện lên cụ thể, sinh động hơn nhiều so với nhân vật của Thanh Tâm Tài Nhân.

Với Nguyễn Du, miêu tả nhân vật qua nội tâm, khám phá các trạng thái tâm lý của một con người đã trở thành một yếu tố đặc biệt quan trọng để xây dựng tính cách và đã có thành tựu rực rỡ.

- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ tự sự:

Ở đoạn "*Mã Giám Sinh mua Kiều*", trong cảnh mua bán Thuý Kiều là hiện thân của con người lương thiện bị chà đạp của tài sắc bị dập vùi thảm thương. Nguyễn Du càng căm ghét tên buôn người Mã Giám Sinh bao nhiêu thì càng cảm thương sâu sắc trước nỗi đau xót nhục nhã ê chề của cô gái tài hoa bấy nhiêu, Kiều là một trang quốc sắc thiên hương, vậy mà bị đem ra mua bán như món hàng ngoài chợ. Nguyễn Du kể mà như nhập vào nhân vật, cũng đau xót với nhân vật:

*"Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.
Ngại ngừng dín gió e sương,
Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai".*

Sáu dòng thơ mô tả nỗi uất ức, xót xa, tủi nhục của một trang tuyệt sắc giai nhân trước sự mua bán tro trên của bọn buôn người. Từ đầu đến cuối, Kiều không hề nói một lời, chỉ có nỗi buồn hiện ra qua từng

bước chân, nét mặt. Ở đoạn này trong "Kim Vân Kiều truyện", Thanh Tâm Tài Nhân để Thuý Kiều lên tiếng năm lần, trong đó có hai lần tham gia vào mặc cả như sau:

"Thuý Kiều nói:

- Bán mình mà không được việc thì bán để làm gì?

Người ấy nói:

- Thôi xin đưa bốn trăm lạng.

Thuý Kiều nói:

- Không phải năm trăm lạng là không được".

Rõ ràng sự căm lạng, những giọt nước mắt lạng lẽ của Thuý Kiều, trong Truyện Kiều của Nguyễn Du hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh và tâm trạng bi kịch, với tính cách của nàng.

Đoạn "Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều", bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du lại hiện lên rõ nét:

*"Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất đã mấy ngàn dây xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường".*

Đoạn thơ nói lên sự chia biệt giữa Thúc Sinh và Thuý Kiều. Đây là một cuộc chia cách đầy lưu luyến giữa một đôi trẻ. Họ đã từng có những tháng ngày bên nhau đầy hạnh phúc mặn nồng. Mặc dù, Thúc Sinh không phải là mối tình đầu lãng mạn cao đẹp như với chàng Kim, nhưng ở bên Thúc Sinh, Kiều có một cuộc sống êm ấm, trong sạch, hoà thuận cả hai cùng không muốn rời nhau nhưng họ vẫn phải xa nhau. Lần này Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều để về nói cho Hoạn Thư biết việc mình đã lấy Kiều làm lẽ. Kiều linh cảm cuộc chia tay lạnh này lạnh ít giữ nhiều. Vì thế mà "người lên ngựa" đã đi rồi, chỉ còn lại mình Kiều với nỗi buồn chia cách. Thiên nhiên quanh nàng cũng trở nên mệnh mông dãn trải, hiu hắt: một màu quan san (*màu của chia ly, cách biệt*), một ngàn dâu vô tận, một vàng trăng đơn chiếc, không trọn vẹn... Cũng nói về cảnh chia ly, trong "Chinh phụ ngâm" của Đặng Trần Côn cũng có hình ảnh tương tự:

*"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh biếc mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai..."*

Trong thơ của Nguyễn Du, Kiều hiện lên với những tâm sự rất chân thành sâu sắc, điều đó chứng tỏ Nguyễn Du đã phải nhập thân vào nhân vật mới viết được những dòng xúc động như thế.

Đoạn miêu tả tiếng đàn của Kiều khi bị Hồ Tôn Hiến làm nhục sau khi lừa Kiều, xúi giục Từ Hải ra hàng và chàng đã bị chết đứng:

*"Một cung gió thảm mưa sầu,
Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay".*

Nguyễn Du đã dùng tiếng đàn bi thảm "gió thảm mưa sầu", "nhỏ máu" để cụ thể hoá tâm trạng và vận mệnh của Kiều. Trong các lần gảy đàn của Kiều, không lần nào tiếng đàn bi thiết, đau thương như lần này. Tiếng đàn bật máu, tiếng đàn mang cái chết của Từ Hải và cái chết trong tâm hồn Kiều. Một cõi lòng đau

đón đã dập tắt mọi niềm hạnh phúc, ước mơ. Chúng ta thấy dường như Nguyễn Du cũng đang tan nát cõi lòng, cũng đang nhỏ máu tâm hồn cùng nàng Kiều.

Qua những đoạn thơ trên, Thuý Kiều hiện lên với tất cả trạng thái phức hợp: Có nỗi buồn tủi, xót xa, đau đớn, ê chề, hổ thẹn, nhớ nhung với những rung động rất đời, rất thực.

Như vậy, có thể nói với bút pháp miêu tả bậc thầy, Nguyễn Du đã xây dựng lên chân dung Thuý Kiều không chỉ tuyệt thế giai nhân mà còn có thể giới nội tâm phong phú, sinh động, khiến nàng trở nên gần gũi với đời thực hơn - điều này chỉ có ở Nguyễn Du chứ không thể có trong Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân - Trung Quốc.

- Miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại

Ở đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*", Nguyễn Du thành công khi sử dụng loại ngôn ngữ độc thoại nội tâm để khám phá chiều sâu tư tưởng, tình cảm con người, hiểu được tâm trạng nỗi niềm của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

*"Tưởng người dưới Nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ".*

Người đầu tiên xuất hiện trong nỗi nhớ của Kiều là chàng Kim, nàng tưởng nhớ hình ảnh hai người uống rượu thề nguyện dưới đêm trăng mới hôm nào, trước đó:

*"Vàng trắng vắng vặc giữa trời,
Đinh ninh hai mặt một lời song song".*

Và Kiều thấy thương Kim Trọng vẫn chưa biết Kiều đã không giữ trọn lời thề, vẫn đêm ngày trông chờ nàng một cách uổng công. Từ nhớ chàng Kim, nàng lại thấy thương mình:

*"Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?"*

Nàng thấm thía với tình cảnh bơ vơ, trơ trọi của mình nơi "*bên trời góc bể*" và nuối tiếc mối tình đầu trong trắng, "*tấm son*" ở đây là tấm lòng chung thủy sắc son của Thuý Kiều đối với Kim Trọng. Bao giờ có thể quên được mối tình đó. Cũng có thể hiểu tấm lòng trong trắng của Thuý Kiều bị dập vùi, hoen ố, biết bao giờ mới có thể gột rửa được?

Như vậy, ta có thể thấy Kiều đã nhớ Kim Trọng với một tâm trạng đau đớn, xót xa, nàng quả là một người tình chung thủy.

Trong dòng suy nghĩ miên man, nàng hết nhớ người yêu lại nhớ đến cha mẹ:

*"Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ẩm lạnh những ai đó giờ?
Sân lai cánh mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm".*

Kiều đã hình dung ra cảnh tượng sớm hôm cha mẹ tựa cửa ngóng trông tin tức của nàng. Nàng lại day dứt không nguôi là giờ đây ai là người phụng dưỡng cha mẹ đang ngày một già yếu. Chỉ bốn câu thơ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã khắc họa được tấm lòng hiếu thảo của Thuý Kiều đối với cha mẹ.

Suốt quãng đời mười lăm năm đoạn trường lưu lạc, Nguyễn Du đã nhiều lần để Kiều độc thoại để từ đó bộc lộ chính mình. Có lúc, nàng đau đớn, dằn vặt, xót xa sau những đêm bướm là ong lời và cuộc say đây thảng:

*"Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa".*

Có khi nàng băn khoăn, trăn trở, hãi hùng về cuộc sống, về tương lai, về thân phận luôn ám ảnh day dứt nàng:

*"Một mình lưỡng lự canh chày,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh".*

Rồi khi nàng khuyên Từ Hải ra hàng, ngôn ngữ độc thoại đã bộc lộ rõ những nét tâm lý rất thực của một cô gái nửa đời nếm trải đủ mùi đắng cay:

*"Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Bằng tay chịu tiếng vương thần,
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi cũng liệu về cố hương.
Cũng ngồi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha..."*

Qua đoạn thơ, ta thấy tâm lý của Kiều hiện lên rất thực: nàng biết khi Từ Hải ra hàng thì phải chịu thiệt thòi, phải mang tiếng vương thần, song bên cạnh đó là cả một tương lai tươi sáng, rục rịch đã nói lên nhiều điều lợi, dù sao Kiều chỉ là một nạn nhân mà nguyện vọng duy nhất là được sống yên ổn, lương thiện và trong sạch.

Có thể nói với những yếu tố ngôn ngữ độc thoại như trên, nàng Kiều hiện lên như một người trần tục với tất cả những tình cảm, suy nghĩ, lo toan rất thực, rất đời thường, nàng trở nên gần gũi với người đọc hơn. Đạt được điều đó phải chăng đó chính là trình độ bậc thầy của Nguyễn Du trong việc khám phá thế giới nội tâm con người, đặc biệt là những người phụ nữ.

- Khắc họa tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại

Để nhân vật của mình được hiện lên đầy đủ, toàn diện, Nguyễn Du đã miêu tả họ với cái nhìn nhiều chiều, có khi là miêu tả ngoại hình, có khi miêu tả nội tâm, có khi lại thông qua ngôn ngữ đối thoại của họ để thấy được tính cách sống động của mỗi nhân vật. ở đoạn trích *"Thúy Kiều báo ân, báo oán"* ngôn ngữ đối thoại được thể hiện rõ ràng hơn cả. Có hai cuộc đối thoại: đối thoại giữa Kiều với Thúc Sinh và đối thoại giữa Kiều với Hoạn Thư và giữa Hoạn Thư với Kiều.

Kiều được Từ Hải - người anh hùng cứu ra khỏi lầu xanh, giúp nàng báo ân, trả oán. Đưa nàng từ thân phận của một kỹ nữ chốn lầu xanh nhơ bẩn lên thân phận của một mệnh phụ phu nhân, bước lên địa vị một quan toà cầm cân cân công lý. Trong phiên toà nàng cho gọi những người đã từng có ân, có oán với nàng đến.

Người đầu tiên được Kiều mời đến là Thúc Sinh, thấy hình ảnh tội nghiệp của Thúc Sinh nàng đã cất lên tiếng hàm ơn:

*"Nàng rằng: Nghĩa nặng nghìn non,
Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?"*

Rõ ràng là Kiều vẫn rất nhớ tấm lòng và sự giúp đỡ mà Thúc Sinh đã giành cho nàng trong cơn hoạn nạn. Nàng gọi đó là *"nghĩa nặng nghìn non"*. Nghĩa là nàng vẫn nhớ tới công ơn của Thúc Sinh đã đưa Kiều ra khỏi lầu xanh, cứu nàng thoát khỏi cuộc đời ô nhục đem lại cuộc sống gia đình êm ấm.

Đối thoại với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ rất trang trọng: "*nghĩa nặng nghìn non*", "*chẳng vẹn chữ tòng*"...hầu hết là những từ Hán Việt, lại dùng cả điển cố... Cách nói đó phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc và biểu lộ được tấm lòng biết ơn chân thành của Kiều.

Thúy Kiều cũng nói với Thúc Sinh rằng: Kể gây ra sự chia cách giữa hai người không phải do chàng mà là do vợ chàng. Nói với Thúc Sinh về Hoạn Thư, Kiều không sao nguôi được sự oán giận với những khổ đau mà Hoạn Thư đã gây ra cho nàng, vết thương đó còn đang quá xót xa trong lòng nàng, cho nên nàng không thể không cả giận:

*"Vợ chàng quý quá tình ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".*

Nếu nói với Thúc Sinh, Kiều nói bằng một ngôn ngữ trang trọng, thì nói về Hoạn Thư, Kiều lại nói bằng một ngôn ngữ hết sức nôm na bình dị, Kiều sử dụng những thành ngữ quen thuộc, đó là lời ăn tiếng nói của nhân dân.

Qua ngôn ngữ đối thoại của Kiều với Thúc Sinh, ta thấy tính cách của nàng đã bộc lộ khá rõ ràng, nàng xử đúng người đúng tội, báo nhân đối với người đáng báo ân, đồng thời thấy được nàng là một người sống có tình có nghĩa, có trước có sau.

Sau khi trả ơn Thúc Sinh, bà quản gia nhà họ Hoạn và sư Giác Duyên, Thúy Kiều mới bước vào cuộc báo thù:

*"Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư".*

Thúy Kiều thoát trông thấy Hoạn Thư đã cất tiếng chào mỉa mai: "*Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!*" Kiều dùng cách xưng hô như hồi còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn trong hoàn cảnh thứ bậc đã đổi ngôi.

Tiếp theo lời chào mỉa mai là những lời mắng nhiếc, xỉ vả:

*"Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
Dễ dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều".*

Với một kẻ như Hoạn Thư:

*"Bề ngoài thon thót nói cười,
Bề trong nham hiểm giết người không dao".*

thì những lời mắng nhiếc xỉ vả ấy của Kiều là đích đáng lắm. Trước những lời nói mỉa mai, đay nghiến đó của Kiều, Hoạn Thư đã xử trí ra sao?

Lúc đầu, "*Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu*", nhưng sau đó "*Hoạn Thư đã liệu đều kêu ca*". Trước hết Hoạn Thư gỡ tội cho mình bằng cách dựa vào tâm lý thường tình của người phụ nữ:

*"Rằng: tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình".*

Hoạn Thư nói rằng tội của tôi là tội ghen tuông, mà tội ấy thì ở người đàn bà nào mà chẳng có. Vậy là, đã đánh thức được ở Kiều lòng thông cảm với người cùng giới. Quả thực, ngay từ đầu Hoạn Thư đã tỏ ra thông minh giáo hoạt.

Tiếp theo, Hoạn Thư lại gọi chút "ân tình" ngày xưa: một là, đã cho Kiều xuống Quan Âm các "giữ chùa chép kinh", không bắt làm thị tì nữa; hai là, khi Kiều bỏ trốn mang theo chuông vàng khánh bạc, Hoạn Thư cũng không cho người đuổi bắt. Cách nói rất khéo chỉ gọi sự thật và chuyện cũ ra, chỉ người trong cuộc mới biết.

"Nghĩ cho" là nhớ lại cho, suy nghĩ lại cho:

*"Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo".*

Đối với Kiều, Hoạn Thư đã từng nói với Thúc Sinh: "Rằng: tài lên trọng mà tình lên thương". Tuy "chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai", nhưng trong thâm tâm, Hoạn Thư rất "kính yêu" Thuý Kiều. Cuối cùng Hoạn Thư tự nhận tội của mình và xin Kiều rộng lòng tha thứ:

*"Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng?"*

Lời gỡ tội của Hoạn Thư vừa có lí, vừa có tình. Lời cầu xin đúng mực, chân thành, Kiều đã phải thừa nhận cái thông minh, giáo hoạt của Hoạn Thư và ban một lời khen:

*"Khen cho: thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mức nói năng phải lời".*

Không thể là người "nhỏ nhen" Kiều đã tha tội cho Hoạn Thư:

*"Đã lòng tri quá thì nên,
Truyền quân lệnh xuống trước tiên tha ngay".*

Sự việc diễn ra quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Vốn là một người phụ nữ trung hậu, đã từng nếm trải bao cay đắng và ngang trái trong cuộc đời, vả lại Kiều cũng tự biết rằng mình đã xâm phạm đến hạnh phúc của người khác. Tha tội cho Hoạn Thư, Kiều tỏ ra vô cùng cao thượng.

Như vậy, với màn báo ân báo oán ta thấy hết được những sáng tạo của ngòi bút thiên tài Nguyễn Du. Cảnh pháp trường thời trung cổ được miêu tả ước lệ mà không kém phần uy nghiêm. Lời thoại rất gọn mà sắc đã làm nổi bật tâm lý, tính cách nhân vật Thúc Sinh lạnh mà nhát sợ; Hoạn Thư thì khôn ngoan, sắc sảo; Kiều rất trung hậu, cao thượng, bao dung.

Nguyễn Du đã sáng tạo lên những lời thoại biến hoá đã nói lên chuyện ân oán, cái lẽ đời xưa nay, ca ngợi sự thủy chung tình nghĩa, lên án bọn bạc ác tình ma. Cảnh báo ân, báo oán là một tình tiết rất đậm làm nổi bật tinh thần nhân đạo của "Truyện Kiều".

2.4.4. Ngôn ngữ trong tác phẩm Truyện Kiều

Nguyễn Du đã kết hợp hài hoà giữa chất liệu thơ ca dân gian, ngôn ngữ quần chúng và ngôn ngữ bác học. Trong tác phẩm có sự kết hợp hài hoà giữa ngôn ngữ bác học với ngôn ngữ bình dân. *Vốn ngôn ngữ bác học* được Nguyễn Du sử dụng rất sáng tạo. Đó là những hình ảnh, những cách nói, những điển tích điển cố trong văn chương sách vở. Ví dụ:

*Vẫn nghe thơm nức hương lân
Một nền Đồng tước khoá thân hai Kiều*

Hay:

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm*

Vốn ngôn ngữ quần chúng dân gian cũng là lợi thế của NDu. Có lẽ, những năm tháng từng trải nay đây mai đó của mình, Nguyễn Du đã học được rất nhiều cách nói của chúng nhân dân lao động, ông đã đưa cách nói của họ vào trong tác phẩm của mình một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Trong tác phẩm có dấu vết của trên 100 câu ca dao và rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ.

Ví dụ 1: Hình ảnh cánh bèo trong dân gian luôn là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Ca dao có câu:

*Lênh đênh nước chảy bèo trôi
Đến khi nước lụt, bèo ngòi trên sen*

Trong Truyện Kiều:

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau

Ví dụ 2: Hạt mưa là hình ảnh chỉ thân phận người phụ nữ:

*Thân em như hạt mưa sa
Hạt rơi xuống giếng, hạt sa vũng lầy*

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du viết:

*Hạt mưa sa nghĩ phận hèn
Liều đem tác cỏ quyết đền ba xuân*

Ví dụ 3: Tục ngữ có câu: "Nhân vô thập toàn", Truyện Kiều viết

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

Ví dụ 4: Thành ngữ có câu: "Ai khéo mà xưng", Truyện Kiều viết:

*Nghĩ đà bung bít miệng bình
Nào ai có khéo mà mình lại xưng*

Hay hàng loạt các ví dụ khác:

*Ra tuồng mè� mà gà đồng
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào*

*Bề ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao*

*Ở đây tai vách mạch rừng
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi*

*Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trình bạch từ sau xin chừa*

Nhờ việc sử dụng nhuần nhuyễn, sáng tạo ngôn ngữ bình dân nên Truyện Kiều đã chiếm được tình cảm của nhân dân lao động. Bởi họ như tìm thấy lời ăn tiếng nói của chính mình trong đó. Bởi vậy, có ý kiến đã cho rằng: "Trong tác phẩm truyện Kiều, Nguyễn Du đã đạt đến độ bậc thầy về ngôn ngữ, là người đã nâng ngôn ngữ văn học dân tộc của thời đại lên một đỉnh cao chói lọi"

2.4.5. Các biện pháp tu từ trong Truyện Kiều

Nguyễn Du đã sử dụng thành thạo, đa dạng các biện pháp tu từ: So sánh, ẩn dụ, thậm xưng, điệp ngữ ... Ví dụ:

- Điệp ngữ "buồn trông" trong tám câu thơ cuối (trích đoạn "Kiều ở lầu Ngưng Bích") có giá trị biểu cảm lớn. Ta như thấy nỗi buồn của Kiều hiện lên mênh mông, chất chồng, đè nặng lên tâm hồn nàng và ngập tràn tất cả.
- Điệp từ "mình" trong câu thơ "Giật mình, mình lại thương mình xót xa". Câu thơ có 8 chữ mà xuất hiện tới 3 từ "mình". Điều đó có tác dụng nhấn mạnh nỗi cô đơn, lẻ loi, trống vắng của Kiều giữa đêm khuya khi cuộc vui đã tàn.
- Hàng loạt hình ảnh ẩn dụ

*Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mắt thua nước tóc, tuyết nhường màu da*

Hoán dụ:

*Một tay xây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành*

Thậm xưng: *Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*

Tóm lại: Trong nền văn học dân tộc, Truyện Kiều của Nguyễn Du xuất hiện như một đóa hoa đẹp nhất, tiếp thu sáng tạo truyền thống văn học dân tộc và ngôn ngữ bình dị của quần chúng cũng như ngôn ngữ mỹ lệ của văn chương bác học. Tất cả cùng kết hợp với sự rung động và tài năng đặc biệt của nhà thơ để đưa tác phẩm trở thành một công trình tuyệt tác có một không hai trong nền văn học dân tộc.

Truyện Kiều đã đánh dấu bước trưởng thành lên tới đỉnh cao của thơ ca dân tộc và trở thành niềm tự hào của thơ ca dân tộc. Không yêu đất nước mình, không vì nghệ thuật, vì cuộc đời thì Nguyễn Du không thể có được thành công ấy. Tác phẩm là kết quả của cái tâm lớn lao, của tài năng nghệ thuật lớn lao. Trân trọng cái nhìn hiện thực sắc sảo đầy tình yêu thương bao la của nhà thơ bao nhiêu, ta lại càng trân trọng tài năng sáng tạo của ông bấy nhiêu.

3. Các dạng đề/ vấn đề thường gặp

- 3.1. Phân tích nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du trong đoạn trích "Cảnh ngày xuân"
- 3.2. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du qua các đoạn trích trong chương trình Ngữ văn 9.
- 3.3. Tính cách của Mã Giám Sinh và tâm trạng của Thúy Kiều qua đoạn trích "Mã Giám Sinh mua Kiều"
- 3.4. Bằng những hiểu biết của em về "Truyện Kiều", hãy trình bày về nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ tính cách nhân vật của Nguyễn Du.
- 3.5. Cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du biểu hiện trong đoạn trích "Chị em Thuý Kiều"
- 3.6. Tấm lòng của Nguyễn Du qua một số đoạn trích đã học trong chương trình Ngữ văn 9.
- 3.7. Nhận xét về Truyện Kiều, Mộng Liên Đường chủ nhân nói: "Tổ Như dựng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì không tài nào có được bút lực ấy". Em hãy bình luận ý kiến trên.
- 3.8. Khi bàn đến ngôn ngữ Truyện Kiều, trong bài "Nguyễn Du, một nghệ sĩ lớn", Hoài Thanh có viết: "Người đọc xưa nay vẫn xem truyện Kiều như một hòn ngọc quý cơ hồ không thể thay đổi, thêm bớt một tí gì, như một tiếng đàn lạ gần như không một lần nào lỡ nhịp ngang cung". Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy cho thấy tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Du qua một số câu thơ trong Truyện Kiều.
- 3.9. Nhận xét về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Nguyễn Du đã xót xa:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Bằng các tác phẩm đã học (“Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và những đoạn trích đã học của “Truyện Kiều” của Nguyễn Du), em hãy làm rõ điều đó.